

Vùng Nhận dạng Phòng Không của Trung Quốc: Xây dựng An ninh bằng Cuộc chiến Pháp lý*

Matthias Vanhullebusch và Wei Shen

Tóm tắt

Việc Trung Quốc thiết lập Vùng Nhận dạng Phòng không (ADIZ) là một hình thức biểu hiện khác trong bước phát triển đầy nỗ lực về an ninh khu vực ở Đông Á. Thông qua điều được gọi là cuộc chiến pháp lý, Trung Quốc đã công cụ hóa luật pháp về không phận quốc tế, luật biển và luật về sử dụng vũ lực để củng cố học thuyết an ninh toàn diện của mình cả về quân sự cũng như kinh tế. Theo đó, Trung Quốc đã thúc đẩy những lợi ích về chủ quyền thông qua từng khía cạnh này của luật quốc tế khi mở rộng nội luật đối với không gian bên trên vùng Đặc quyền Kinh tế (EEZ), khẳng định chủ quyền đối với các đảo tranh chấp và đang chuẩn bị để đối phó với những mối đe dọa sẽ xảy ra. Trái lại, dưới danh nghĩa của một liên minh về quyền tự do hàng không, các bên phản đối vùng này đều đã sử dụng các khuôn khổ mang tính nguyên tắc để bảo vệ những lợi ích chiến lược và địa chính trị của mình tại Đông Á.

1. Giới thiệu

Hai năm trước đây, lần đầu tiên trong lịch sử, Trung Quốc đã tuyên bố thiết lập một Vùng Nhận dạng Phòng không (ADIZ) đối với không gian bên trên vùng Đặc quyền Kinh tế (EEZ) ở Hoa Đông. Hành động khó hiểu gây tranh cãi giữa các quốc gia ven biển nhằm bảo vệ vùng không phận với lý do an ninh quốc gia đã bùng phát một làn sóng phản đối kịch liệt trong cộng đồng quốc tế, phê phán hành động này của Trung Quốc là bất hợp pháp và vô hiệu lực. Việc Trung Quốc thiết lập ADIZ vào ngày 23/11/2013 đã dấy lên những câu hỏi khác nhau về bản chất pháp lý và tác động chính trị từ quyết định này đối với khu vực vốn đang căng thẳng bởi

Matthias VANHULLEBUSCH (Ph.D., SOAS) là phó giáo sư Luật tại Trường Luật KoGuan, Đại học Giao thông Vận tải Thượng Hải, Trung Quốc. Có thể liên hệ với tác giả theo địa chỉ: matthias.vanhullebusch@gmail.com.

Wei SHEN (Ph.D., LSE) là Giám đốc Trường Luật KoGuan, Đại học Giao thông Vận tải Thượng Hải, Trung Quốc, trường Luật Attorney, New York. Có thể liên hệ với tác giả theo địa chỉ: shenwei@sjtu.edu.cn.

* Bản thảo bài viết này được trình bày tại Hội thảo Quốc tế lần 6 tại Trường Pháp lý New Haven, hội thảo được trường Luật Yale, trường Luật Tulane, Trường Đại học Luật Chiết Giang phối hợp tổ chức vào ngày 30-31 tháng 10/2014 tại Hàng Châu, Trung Quốc. Tác giả gửi lời cảm ơn tới Giáo sư W. Micheal Reisman, Guiguang Wang, Siegfried Wiessner, Hi-Taek Shin, Ming Li và các đại biểu tham dự tại hội thảo vì những nhận xét có giá trị cũng như gửi lời cảm ơn tới Giáo sư Xue Guifang vì những phản hồi cho các bản thảo trước đó của bài viết này. Tác giả cũng bày tỏ biết ơn những gợi ý sâu sắc từ hai nhà đánh giá khuyết danh khi hiệu đính lần cuối cho bài viết này.

những yêu sách lãnh thổ ở Hoa Đông. Trung Quốc đã thiết lập một ADIZ chồng lấn lên vùng ADIZ của Nhật Bản đã được thiết lập từ hàng thập kỷ trước đó, bao gồm cả khu vực quần đảo Senkaku, khu vực Trung Quốc cũng có yêu sách và gọi đó là Điếu Ngư Đài, ADIZ của Trung Quốc cũng chồng lấn một phần đối với ADIZ của Hàn Quốc.¹ Vùng nhận dạng này cũng bao trùm các vùng biển mà Mỹ coi là vùng biển quốc tế² và một số vùng lãnh hải bên dưới không gian mà Hàn Quốc yêu sách,³ khu vực được hình thành do việc Hàn Quốc mở rộng ADIZ đối với đảo Ieodo vào ngày 15/12/2013.⁴ Trung Quốc đã công bố các tọa độ vùng nhận dạng và một tấm bản đồ thể hiện vùng này trải dài, về phía đông, khoảng 81 km tính từ Kyushu, một trong những hòn đảo chính của Nhật Bản.

Trong tuyên bố chính thức ngày 23/11/2013, Bộ Quốc phòng Trung Quốc cho rằng, trong một số trường hợp, ADIZ này có thể mở rộng lên tới 300 dặm bên ngoài vùng lãnh hải. Vì lý do an ninh nên một số quốc gia cũng thiết lập vùng ADIZ và nằm xa khu vực duyên hải của mình. Khi đi vào vùng này, tất cả các máy bay chiến đấu đều phải xác nhận danh tính, thông báo kế hoạch bay và thông tin cho đài chỉ huy mặt đất chính xác vị trí của mình.⁵

Bộ Ngoại giao Nhật Bản ngay lập tức trao công hàm phản đối cho Đại sứ Trung Quốc tại Tokyo, tuyên bố đây là hành động rất nguy hiểm. Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc đều điều máy bay quân sự đi vào vùng này. Cả Nhật Bản và Hàn Quốc đều khẳng định họ sẽ tiếp tục thực hiện các hoạt động giám sát trong vùng ADIZ của Trung Quốc. Một tuần sau tuyên bố chính thức, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc khẳng định rằng quyền tự do bay qua chưa bao giờ bị đe dọa kể từ khi vùng ADIZ được thiết lập, đồng thời cáo buộc các quốc gia này không công bằng, lợi dụng tình thế và đang làm xói mòn hòa bình và an ninh khu vực.⁶ Người phát ngôn của Bộ Quốc phòng Trung Quốc Cảnh Nhận Sinh tiếp tục lớn tiếng và cho thấy tham vọng nhằm mở rộng chủ quyền lãnh thổ của Trung Quốc đối với không gian bên trên vùng EEZ. Mặc dù tồn tại mô thức chung về hệ thống nhận dạng và cảnh báo sớm, nhưng những hành động phòng vệ này liên quan đến tình hình căng thẳng giữa Trung Quốc và Nhật Bản trong tranh chấp các đảo.⁷ Đây không phải lần đầu tiên Trung Quốc có tình huống căng thẳng ở trên không. Kể từ hoạt động ngăn chặn máy bay do thám EP-3 của hải quân Mỹ vào ngày 1/4/2001, Trung Quốc ngày càng trở nên quyết đoán và cảnh giác hơn khi thực hiện hoạt động tuần tra không phận của vùng EEZ. Vào thời điểm đó, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc cho rằng, trong vụ việc này, quyền tự do bay qua – mặc dù được luật pháp quốc tế cho phép – đã không tôn trọng quyền của Trung Quốc và “tạo ra mối đe dọa nghiêm trọng đối với an ninh quốc gia của Trung Quốc”.⁸

Giới học giả khoa học cũng như các nhà bình luận chính trị ở cả Trung Quốc cũng như hải ngoại đều đồng loạt tập trung vào (i) tính pháp lý ADIZ của Trung Quốc

và theo đó đưa ra tiếng nói ủng hộ⁹ và phản đối¹⁰ những nỗ lực của Trung Quốc nhằm mở rộng quyền tài phán bên trên vùng lãnh thổ tranh chấp.¹¹ Thực chất, ẩn sau sự phức tạp về chính trị thực dụng của Đông Á xuất phát từ những yêu sách lãnh thổ ở Hoa Đông và việc Mỹ tăng cường hiện diện quân sự, một cuộc chiến pháp lý phức tạp đang lộ diện. Do đó, bài viết này sẽ có gắng tìm hiểu học thuyết an ninh tổng thể của Trung Quốc¹² liên quan đến ADIZ của Trung Quốc xét từ quan điểm pháp lý quốc tế.¹³

Trong khía cạnh này, điều được gọi là cuộc chiến pháp lý¹⁴ của Trung Quốc, hay là việc sử dụng luật quốc tế nhằm hạ thấp uy tín của đối thủ trong tranh chấp về lợi ích chủ quyền, sẽ được sử dụng làm lợi thế để định hình nên học thuyết an ninh toàn diện của Trung Quốc, có ảnh hưởng lên an ninh quốc gia, kinh tế và quân sự.¹⁵ An ninh quốc gia ở đây là những mối đe dọa từ bên ngoài tác động đến chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ của Trung Quốc.¹⁶ An ninh kinh tế là cam kết đối với đất nước và người dân Trung Quốc về sự phát triển kinh tế dài hạn bằng việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiếp cận thị trường toàn cầu và nguồn cung năng lượng. Cuối cùng, an ninh quân sự là tăng cường năng lực quân đội Trung Quốc để đối phó với sự xâm lược từ bên ngoài, từ chủ nghĩa đế quốc, đã từng gây ra mối sỉ nhục cho Trung Quốc vào cuối thế kỷ 19.¹⁷

Do đó, trước hết, bài viết sẽ nêu bật việc sử dụng luật quốc tế trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc ở cả trong lịch sử và đương thời; tiếp đến xem xét – cụ thể hơn trong vấn đề Hoa Đông – về cách thức mà Trung Quốc thúc đẩy lợi ích an ninh quốc gia thông qua các quy định luật về không gian; thứ ba, đánh giá về an ninh kinh tế thông qua các quy định luật biển; và cuối cùng, bài viết sẽ phân tích về an ninh quân sự thông qua các quy định luật về việc sử dụng vũ lực. Trong mỗi cơ chế pháp lý, bài viết sẽ đưa ra những quan điểm mà Trung Quốc thúc đẩy và những quan điểm của các bên phản đối trong phạm vi của các cơ chế luật quốc tế này.

2. Luật Quốc tế và Chính sách Đối ngoại của Trung Quốc

Chính sách Mở cửa, một chính sách mà Trung Quốc thực hiện từ cuối những năm 1970, mở ra một kỷ nguyên mới để Trung Quốc tiếp cận với nền kinh tế, luật pháp và trật tự thế giới chính trị quốc tế. Với kết quả về sự tăng trưởng kinh tế và năng lực quân sự, điều đó không chỉ phục vụ cho rất nhiều lợi ích của Trung Quốc khi tuân thủ quy định quốc tế trong lĩnh vực an ninh và kinh tế, đồng thời cũng đóng phần phát triển và xây dựng một hệ thống pháp lý ủng hộ sự bình đẳng chủ quyền hơn là sức mạnh bá quyền.¹⁸ Việc sử dụng hiệu quả luật quốc tế đã thúc đẩy sự phát triển hòa bình của Trung Quốc – về mặt kinh tế, quân sự và địa chính trị - nhưng quyền lực mềm tương ứng của Trung Quốc vẫn chưa hoàn toàn thuyết phục

được các cường quốc phương Tây cũng như các quốc gia láng giềng đang phát triển.¹⁹

Trong lĩnh vực kinh tế, Trung Quốc vốn bị coi là bên hưởng lợi miễn phí. Minh chứng rõ ràng nhất là sự tương tác qua lại giữa Trung Quốc và Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) mà Trung Quốc đã gia nhập năm 2001. Trong khi Trung Quốc đã thành công khi tự biến mình trở thành nền thương mại lớn nhất thế giới sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc cũng trở thành đối tượng chính của cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO trong các vụ việc nước này không tuân thủ các quy định của WTO.²⁰ Do đó, cách tiếp cận dễ dàng này không còn có thể giúp Trung Quốc đạt được chương trình nghị sự dài hạn mang tầm vóc toàn cầu. Thất bại gần đây nhất mà Trung Quốc phải nếm trải là những nỗ lực bất thành để giành được quyền bỏ phiếu tại Quỹ Tiền tệ Quốc tế tương xứng với vị thế kinh tế thế giới ngày càng tăng của mình. Thay vì tiếp tục theo đuổi chiến lược như đã định, Trung Quốc chuyển hướng sang cách tiếp cận chiến tranh pháp lý mang tính chủ động hơn, hay nói theo cách khác là trở thành bên xây dựng và lập ra quy định và thể chế.²¹

Kết quả là năm 2014, Trung Quốc đã thực hiện những bước đi cụ thể để thành lập Ngân hàng Phát triển Mới cùng với các đối tác nhóm BRICS (Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi) và Ngân hàng Đầu tư Cơ sở Hạ tầng ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương. Hai ngân hàng này chủ yếu được xem là những công cụ thể chế chủ yếu không chỉ nhằm thúc đẩy tham vọng của Trung Quốc trong việc đổi mới cơ chế quản trị tài chính quốc tế hiện tại, mà nó còn phù hợp với chiến lược dài hạn nhằm quốc tế hóa đồng tiền của Trung Quốc – đồng *nhân dân tệ* - với mục tiêu cuối cùng là biến đồng nhân dân tệ thành đồng tiền quốc tế. Có lẽ không thể phủ nhận rằng, Trung Quốc có thể phải dựa nhiều hơn nữa vào cách tiếp cận đấu tranh pháp lý để hợp thức hóa toàn bộ mục tiêu và hoàn thành chương trình nghị sự quốc tế của mình trong những năm tới.

Gần đây – trong lĩnh vực an ninh – trong một động thái chưa từng có tiền lệ, Bộ Ngoại giao Trung Quốc đã đưa ra tài liệu lập trường phản đối vụ kiện của Philippines liên quan đến vấn đề về quyền tài phán ở Biển Đông. Lập trường của Trung Quốc là bác bỏ cơ sở thẩm quyền của Tòa Trọng tài và thách thức những lập luận của Philippines đưa ra dựa trên Công ước Liên Hợp Quốc về Luật biển 1982 (UNCLOS), một Công ước mà Trung Quốc đã ký kết nhưng tuyên bố sẽ không chấp nhận giải quyết tranh chấp lãnh thổ theo các cơ chế xét xử bắt buộc, như vụ kiện mà Philippines khởi xướng.²² Rõ ràng, Trung Quốc hiện đang tham gia nhiều hơn vào các tranh luận về luật pháp quốc tế để thúc đẩy các lợi ích chủ quyền ở những vùng biển xung quanh.

Rõ ràng ngoài tính thức dụng trong chính sách đối ngoại, văn hóa chính trị và pháp lý của Trung Quốc không chỉ ngày càng dựa vào vấn đề đạo đức, sự đồng thuận và xây dựng mối quan hệ, mà nó còn dựa vào luật quốc tế để hòa hợp các mục tiêu an ninh và kinh tế ở trong và ngoài nước.²³ Về vấn đề này, ngay từ Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 18, Trung Quốc cam kết mạnh mẽ về xây dựng “một quốc gia xã hội chủ nghĩa dựa trên nguyên tắc luật pháp, [thiết lập] một cơ chế vững chắc nhằm thực hiện việc giám sát và kiểm tra việc thực thi quyền lực, và từ đó [thúc đẩy] tiến bộ chính trị xã hội chủ nghĩa.”²⁴ Như vậy, với việc xây dựng một đất nước Trung Quốc dựa trên luật pháp và tuân thủ luật pháp, chính phủ và xã hội Trung Quốc nhất định sẽ phải “đưa nguyên tắc luật pháp bước vào một giai đoạn mới” của sự phát triển về xã hội và kinh tế như luận điểm của Chủ tịch Tập Cận Bình đề ra.²⁵

Từ khía cạnh phương pháp luận, bài nghiên cứu về ADIZ của Trung Quốc ở Hoa Đông sẽ sử dụng các mối quan hệ quốc tế để nghiên cứu việc sử dụng và cam kết đối với luật quốc tế trong hoạt động chính sách đối ngoại của Trung Quốc liên quan đến ADIZ. Nhiều học giả luôn nhấn mạnh đến tầm quan trọng về sự hợp tác giữa các luật sư quốc tế và các nhà lý luận quan hệ quốc tế trong việc nắm bắt được hành vi của một quốc gia khi sử dụng lập luận pháp lý quốc tế để thúc đẩy lợi ích chủ quyền, và/hoặc hạ thấp giá trị lợi ích chủ quyền của đối thủ.²⁶ Và theo Hoffmann thì đó là lý do giải thích “vì mỗi Cường quốc đều muốn biến những lợi ích, lý tưởng và mục tiêu của mình thành điều luật, do đó, nghiên cứu ‘chiến lược pháp lý’ về các vấn đề khác nhau, tức là về những loại hình quy chuẩn mà họ muốn thúc đẩy, và thông qua các biện pháp kỹ thuật nào đó, có thể mang đến hữu ích cho các nhà khoa học chính trị giống như nghiên cứu một cách thuần túy hơn về chiến lược ngoại giao, quân sự hay kinh tế.”²⁷

3. An ninh Quốc gia và Luật Không phận Quốc tế

Công ước về Hàng không Dân sự Quốc tế định nghĩa khái niệm về ADIZ là “một không phận đặc biệt được định rõ với kích thước xác định, trong đó máy bay buộc phải tuân thủ theo phương thức nhận dạng đặc biệt và/hoặc các thủ tục báo cáo mang tính bổ sung cho bên liên quan cung cấp dịch vụ không lưu.”²⁸ Công ước Chicago 1944, thay thế cho Công ước Paris 1919²⁹, tập trung vào các khu vực mà các quốc gia có thể quản lý không phận chủ quyền bên trên vùng lãnh thổ, bao gồm lãnh hải và vùng không phận quốc tế đối với các vùng biển quốc tế.³⁰ Một quốc gia có đầy đủ quyền tài phán đối với vùng không phận bên trên vùng lãnh hải và vùng tiếp giáp lãnh hải.³¹ Cần phải chỉ ra rằng, khác với quyền qua lại vô hại mà theo đó, một tàu nước ngoài có quyền đi qua vùng biển của một quốc gia,³² trên

thực tế, máy bay không hề có quyền qua lại vô hại, cho dù các quốc gia nhìn chung đều được hưởng những quyền nhất định về hoạt động qua lại vô hại. Hiện tại, mỗi quốc gia có chủ quyền hoàn toàn vùng không gian đối với lãnh thổ và lãnh hải.³³ Theo đó, tàu của một quốc gia khác có thể buộc phải hạ cánh tại đúng cảng hàng không nhập cảnh được chỉ định, phải tuân thủ hành lang bay đã được ấn định và phải thông báo cho quốc gia chủ nhà về các hoạt động của các phương tiện theo kế hoạch bay.³⁴

Trong khi Công ước Chicago không có quy định như vậy đối với máy bay, Công ước này lại yêu cầu máy bay của một quốc gia khác phải được một quốc gia chấp thuận khi bay qua vùng không phận chủ quyền.³⁵ Trong những tình huống như vậy, họ buộc phải tôn trọng các kế hoạch bay đã được thiết lập đối với máy bay dân sự và do đó phải có sự “quan tâm thích đáng đối với sự an toàn lưu thông của máy bay dân sự.”³⁶ Về lợi ích phòng vệ quốc gia, một quốc gia có quyền yêu cầu máy bay phải hạ cánh và trình diện số đăng ký của mình. Mỗi quan ngại về phòng thủ quốc gia cũng lý giải cho việc yêu cầu máy bay đưa ra thông báo ngay cả trong trường hợp đi vào vùng không phận giáp ranh của một quốc gia.³⁷ Bên cạnh đó, Công ước Chicago cũng quy định hoạt động qua lại đối với máy bay không có trong lịch trình – tùy thuộc vào một số điều khoản nhất định – và rõ ràng là máy bay nằm trong lịch trình có thể không được hoạt động hay đi vào vùng lãnh thổ của một quốc gia khác mà nếu không có thẩm quyền hay được quốc gia đó chấp thuận đặc biệt.³⁸

Mặt khác, mặc dù theo Điều 51 của Hiến chương Liên Hợp Quốc, các quốc gia có quyền tự vệ nhưng khi máy bay của một quốc gia thực hiện hoạt động ngăn chặn đối với máy bay dân sự khi đang bay không được gây nguy hiểm cho “sinh mạng đối với những người trên máy bay và sự an toàn của máy bay” cũng như không được sử dụng vũ lực đối với máy bay dân sự trong khi đang bay.³⁹ Hội đồng Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế (ICAO) đã đưa ra cơ chế cụ thể hơn thông qua Tiêu chuẩn và Thực tế Đòi hỏi đối với những quy định áp dụng cho không phận của vùng biển quốc tế. Theo đó, ICAO đã mở rộng Quy định Không lưu theo Điều 12 Công ước Chicago không có ngoại lệ đối với các vùng biển quốc tế, do đó cho phép các quốc gia đưa ra yêu cầu phù hợp với “quy định và quy tắc hiện hành liên quan đến chuyên bay và hoạt động tập trận tại các khu vực này.”⁴⁰

Về mặt lịch sử, ADIZ bắt nguồn trong thời kỳ Chiến tranh Thế giới Hai. Sau chiến tranh, hàng loạt quốc gia có đường biên giới biển đã thiết lập các vùng tương tự. Các quốc gia đã đưa ra các yêu sách về vùng tiếp giáp, mở rộng ra ngoài vùng lãnh hải và do đó được quốc tế công nhận là các đường biên giới. Mỹ, Canada và Nhật Bản là những minh chứng điển hình.⁴¹ Từ năm 1950, tổng thống Mỹ có thể đưa ra sắc lệnh thiết lập một ADIZ bên trên vùng lãnh thổ và mở rộng ra ngoài lãnh hải

nếu như tổng thống cho rằng những phương thức đó phục vụ lợi ích quốc gia và bảo vệ quốc gia trước máy bay của kẻ thù.⁴² Những ADIZ mà Mỹ thiết lập, tại một số điểm được mở rộng cách lãnh hải đến vài trăm dặm.⁴³ Canada thiết lập những ADIZ vào năm 1951. Nhật Bản cũng tuyên bố thiết lập vùng ADIZ vào năm 1969. Pháp cũng thiết lập “Vùng của nước Pháp về trách nhiệm đặc biệt” hay “vùng nhận dạng” đối với biển Địa Trung Hải và mở rộng ra khoảng 80 dặm từ bờ biển của Algeria.⁴⁴

Ở những vùng ADIZ này, các quốc gia đã ban hành các nội luật để điều chỉnh kích thước cũng như quy trình thông báo và nhận dạng áp dụng đối với máy bay đi qua. Chẳng hạn, thông báo nhận dạng từ các phi công máy bay của một quốc gia để bay qua vùng ADIZ của Mỹ buộc phải gửi kèm thông báo kế hoạch bay và thường xuyên thông báo về vị trí ít nhất một hoặc hai tiếng trước thời điểm hạ cánh theo lịch trình. Nếu không gửi thông báo kế hoạch bay, điều này có thể cho phép chính phủ Mỹ từ chối máy bay đó bay vào nước Mỹ.⁴⁵ Các quốc gia khác cũng có thay đổi tương tự về yêu cầu nhận dạng.⁴⁶ Canada không chỉ yêu cầu đối với máy bay trong vùng ADIZ mà họ còn áp dụng đối với hoạt động bay qua vùng ADIZ phải gửi báo cáo nhận dạng chuyến bay.⁴⁷ Máy bay trong “Vùng trách nhiệm đặc biệt” của Pháp cũng buộc phải gửi thông tin chi tiết về chuyến bay, phải bay trong hành lang đã được chỉ định và phải duy trì liên lạc với trạm nhận dạng mặt đất.⁴⁸

Vùng ADIZ của Nhật Bản đã được thiết lập từ lâu và nó bao phủ phần lớn biển Hoa Đông, trong đó bao gồm các đảo đang tranh chấp.⁴⁹ Điểm nút phía tây vùng ADIZ của Nhật Bản cách tỉnh Chiết Giang của Trung Quốc chỉ 130 km. ADIZ của Nhật Bản cũng chồng lấn lên ADIZ của Đài Loan.⁵⁰ Trong vùng ADIZ của mình, Nhật Bản duy trì quyền yêu cầu nhận dạng, liên lạc và ngăn chặn máy bay nước ngoài tiếp cận vùng này.⁵¹ Từ năm 1951, Hàn Quốc cũng đã thiết lập vùng ADIZ, vùng này chồng lấn lên vùng ADIZ của Trung Quốc và Nhật Bản,⁵² và hiện tại Hàn Quốc đã mở rộng phạm vi vùng ADIZ hai tuần sau khi Trung Quốc tuyên bố thiết lập ADIZ, chồng lấn sâu vào vùng ADIZ của Trung Quốc cũng như của Nhật Bản.⁵³ Mỹ và Nhật Bản thường miễn trừ quy trình nhận dạng trong trường hợp chỉ đi ngang qua vùng ADIZ. Ngay cả khi với những hạn chế này, sự tồn tại của những ADIZ đã được công khai không ảnh hưởng nhiều đến quyền của các quốc gia ven biển trong vấn đề tự do bay qua và tự do ở vùng biển quốc tế. Sau sự kiện khủng bố 11/9, vụ việc này đã khiến các quốc gia gia tăng mức độ quan tâm về thực tế trước đó của vùng ADIZ trong những năm 1950 và 1960.⁵⁴

Mặc dù những thủ tục quốc gia và việc thực thi trên thực tế đều được quy định rõ ràng, tuy nhiên việc máy bay một quốc gia đi vào vùng ADIZ thường phải thông báo nhận dạng và có thể trở thành đối tượng “nhận dạng nhầm”, theo đó có thể gây ra việc sử dụng vũ lực buộc máy bay chưa được nhận dạng phải hạ cánh hoặc có

thể tấn công máy bay đó.⁵⁵ Mặc dù có trách nhiệm “kiểm chế việc sử dụng vũ khí đối với máy bay dân sự khi đang bay,”⁵⁶ nhưng vẫn có trường hợp những hành động quân sự vẫn được sử dụng đối với máy bay xâm phạm vào vùng này. Trong khoảng thời gian giữa năm 1959 và 1960, máy bay quân sự Liên Xô đã thâm nhập vùng ADIZ Duyên hải Alaska và bay ở một khoảng cách tương đối bên trong vùng này, Mỹ đã không hề thực hiện hành động quân sự nào đối với máy bay của Liên Xô.⁵⁷ Vụ việc đáng kể nhất diễn ra vào tháng 2/1969, khi đó máy bay chiến đấu của Pháp đã bắn vài phát súng cảnh báo đối với máy bay vận tải của Liên Xô khi đang trên đường tới Ma Rốc vì cho rằng, máy bay của Liên Xô đã bay không đúng như lịch trình bay và bay quá gần Algeria.⁵⁸ Gần đây, vào tháng 9/1983, một máy bay chiến đấu của Liên Xô đã bắn rơi một máy bay dân sự KE007 của Hàn Quốc khi đang đi qua vùng ADIZ của Liên Xô.⁵⁹

Trong tình huống hiện tại, ngày 23/9/2013, Bộ Quốc phòng Trung Quốc đã đơn phương đặt ra Quy tắc Nhận dạng Máy bay đối với vùng ADIZ ở Hoa Đông – không hề tham vấn với các quốc gia láng giềng, yêu cầu mọi máy bay, dân sự và máy bay tương tự của một quốc gia, khi bay trong vùng ADIZ của Trung Quốc sẽ phải – dù quá cảnh hay đến Trung Quốc – báo cáo về lịch trình bay, “duy trì liên lạc hai chiều, hồi đáp kịp thời và chính xác đối với yêu cầu nhận dạng từ cơ quan quản lý vùng ADIZ Hoa Đông hay từ đơn vị do cơ quan này ủy quyền.”⁶⁰ Bộ Quốc phòng Trung Quốc lập luận rằng việc thiết lập ADIZ như vậy cũng được các quốc gia khác thiết lập và những lý do an ninh cho phép các quốc gia ven biển thực hiện những biện pháp như vậy.⁶¹

Trong trường hợp không tiến hành nhận dạng và tuân thủ theo các quy định này, “lực lượng vũ trang của Trung Quốc sẽ thực hiện các biện pháp phòng thủ khẩn cấp” đối với máy bay này.⁶² Hệ quả trực tiếp từ việc thiết lập ADIZ của Trung Quốc sẽ giới hạn các chuyến bay qua vùng biển quốc tế khi buộc các máy bay thương mại quốc tế phải có những biện pháp mới về lịch trình và kế hoạch bay của mình. Trung Quốc yêu cầu máy bay khi bay ngang qua vùng ADIZ của mình nhưng không hạ cánh vào vùng lãnh thổ phải khai báo với nhà chức trách Trung Quốc về sự xuất hiện.⁶³ Nhiều điểm cho thấy Trung Quốc đang buộc các hãng hàng không khi bay qua vùng này phải gửi lịch trình bay, thậm chí khi điểm đến cuối cùng không phải là Trung Quốc Đại lục. Trái lại, ADIZ của Mỹ không áp dụng những thủ tục như vậy đối với máy bay của nước ngoài nếu như không có lịch trình đi vào không phận quốc gia của Mỹ. Điểm khác biệt khác là hành động sau đó mà Trung Quốc có thể thực hiện đối với những máy bay không tiến hành nhận dạng. Nhật Bản không hề đưa ra đe dọa nếu như máy bay không tuân thủ. Đây là quy định khác biệt giữa Nhật Bản và Trung Quốc.

Cả chính phủ Nhật Bản và Hàn Quốc đều kêu gọi các hãng hàng không dân sự của mình không tuân thủ yêu cầu của Trung Quốc phải khai báo thông tin chuyến bay và phát đáp mã khi bay qua vùng không phận quốc tế. Ban đầu, Hàn Quốc bác bỏ rằng các hãng hàng không nước này không cần phải thông báo với Trung Quốc về lịch trình bay, nhưng sau đó chính sách đã đảo ngược và rút lại tuyên bố phản đối của mình. Do quan ngại về vấn đề an toàn, Bộ giao thông vận tải Hàn Quốc đã rút lại lập trường trước đó và cho rằng các hãng hàng không có thể tuân thủ nếu như họ muốn làm điều đó. Do đó các hãng hàng không Hàn Quốc đã tuân thủ vùng ADIZ mới của Trung Quốc. Vào ngày 12/12/2013, Các hãng hàng không Korean Air, Asian và các hãng hàng không giá rẻ bắt đầu chấp thuận việc gửi lịch trình bay cho Trung Quốc khi bay qua vùng này.⁶⁴

Hai hãng vận tải quốc tế của Nhật Bản là Hãng không Nhật Bản và Hãng không All Nippon bắt đầu thực hiện việc khai báo đối với Cục Hàng không Dân dụng Trung Quốc khi lịch trình bay tới hoặc đi từ Đài Loan hay Đông Nam Á để đi vào khu vực mà ADIZ của Trung Quốc bao phủ, hoặc nếu như vấn đề thời tiết buộc máy bay đi vào vùng này khi đang bay. Sau đó, Hãng không Nhật Bản và Hãng không All Nippon đã phải thay đổi do áp lực từ phía chính phủ. Họ sẽ tiếp tục phớt lờ những hướng dẫn của Trung Quốc.⁶⁵ Cơ quan hàng không Nhật Bản yêu cầu hiệp hội hàng không quốc gia không cần để ý đến yêu cầu thông báo của Trung Quốc về lịch trình bay đối mọi chuyến bay khi đi qua vùng tranh chấp.⁶⁶ Nhật Bản tiếp tục áp dụng khuyến nghị của mình đối với các hãng hàng không, đó là tiếp tục hoạt động như trước khi Trung Quốc tuyên bố thiết lập ADIZ.⁶⁷

Trái lại, Bộ Ngoại giao Mỹ đã yêu cầu các hãng hàng không của mình cung cấp cho phía Trung Quốc những thông tin được yêu cầu. Cục Hàng không Liên bang Mỹ đã đưa ra hướng dẫn đối với các hãng hàng không của mình rằng – với lý do đảm bảo an toàn – các hãng hàng không cần tự đưa ra thông báo nhận dạng trước khi đi bay vào vùng hạn chế - phù hợp với các quy định của Trung Quốc.⁶⁸ Các hãng hàng không của Mỹ bị tác động lớn nhất là United Continental Holdings và Delta Air Lines, cả hai hãng này đều có hoạt động kinh doanh trong vùng này và có những chuyến bay từ các nơi nằm bên ngoài Trung Quốc mà trước đó họ không cần buộc phải gửi lịch trình bay cho Trung Quốc. Chẳng hạn, hãng Delta bay từ Tokyo tới Đài Bắc và từ Tokyo tới Hồng Kông phải gửi lịch trình bay cho Trung Quốc về lộ trình của mình.⁶⁹ Các quốc gia khác thì kêu gọi các hãng hàng không của mình tuân thủ việc gửi lịch trình bay cho Trung Quốc kể cả khi điểm đến không phải là Trung Quốc.⁷⁰ Mặc dù các tiêu chuẩn hoạt động về ADIZ của Mỹ trước đây được hầu hết các quốc gia tuân thủ, ADIZ của Trung Quốc và việc áp dụng nội luật và tiêu chuẩn hoạt động của Trung Quốc trong vùng ADIZ của mình đang dần chuyển theo mô hình của Mỹ. Thực chất, những nỗ lực như vậy nhằm

kiểm soát những đối tượng không thuộc quyền tài phán của một quốc gia bằng tiêu chuẩn của nội luật như được áp dụng bên trong của một ADIZ đã trở thành một công cụ quản trị quốc tế, một công cụ mà ở tình huống hiện tại, Trung Quốc đang thách thức thay đổi nhưng Mỹ lại duy trì bảo vệ.⁷¹

Bất chấp những tuyên bố của các chính phủ, các hãng hàng không thương mại của họ vẫn hoạt động phù hợp với thực tế của Vùng Thông tin Bay (FIR), đây là “không phận có phạm vi được xác định, tại đó được cung cấp dịch vụ thông tin và dịch vụ cảnh báo bay”, đây là khu vực mà các dịch vụ như vậy được đảm bảo để bảo vệ “hoạt động hiệu quả các chuyến bay.”⁷² Sự chống lán giữa các vùng ADIZ của các quốc gia và việc mở rộng thêm quyền tài phán vùng không gian bên trên vùng EEZ – thậm chí là cả đối với vùng lãnh thổ tranh chấp – khiến cho giao thông hàng không trở nên phức tạp, nhất là khi có thêm nhiều cơ quan yêu cầu về nhiệm vụ thông báo nhận dạng ở các vùng chồng lán này. Trong khi ICAO – một cơ quan đặc biệt của UN có trụ sở tại Montreal – được lập nên nhằm thúc đẩy hợp tác giữa các quốc gia trong lĩnh vực hàng không dân dụng, để ra các tiêu chuẩn và quy tắc cho an toàn và an ninh hàng không và có thể đóng vai trò trung gian ở Hoa Đông để đảm bảo một vùng không phận an toàn.⁷³ Năm 2005, Trung Quốc và Nhật Bản đã đạt được một thỏa thuận về vấn đề này.

Cụ thể, hai bên đã thông qua Hướng dẫn Hàng không và Bay qua ở vùng EEZ, đây là bản Hướng dẫn không mang tính ràng buộc và nó tạo ra một nhận thức chung về vấn đề thu thập thông tin và hoạt động quân sự trong vùng EEZ. Điều đặc biệt hơn là việc thực thi tự do bay qua trong vùng EEZ của nhau “cần tránh các hoạt động không có lý do và gây tổn hại đến hòa bình, trật tự tốt đẹp hay an ninh của quốc gia ven biển, [cũng như không] gây trở ngại hay gây nguy hiểm đối với quyền của quốc gia ven biển khi thực hiện hoạt động bảo vệ và quản lý nguồn tài nguyên và môi trường của mình.”⁷⁴ Vì lợi ích bảo vệ an ninh quốc gia Trung Quốc trước các vụ tấn công khủng bố bằng máy bay dân sự hay quân sự từ các quốc gia khác, theo đó Trung Quốc có thể thực thi những biện pháp như vậy nhưng trong phạm vi hạn chế của luật hàng không quốc tế và tập quán về ADIZ của các quốc gia khác.

4. An ninh Kinh tế và Luật Biển

Việc Trung Quốc thiết lập ADIZ có mối liên hệ chặt chẽ với tranh chấp đảo ở Hoa Đông. Động thái thiết lập ADIZ của Trung Quốc đã làm gia tăng tranh chấp với Nhật Bản vốn dai dẳng từ lâu và dần mở rộng căng thẳng sang tranh chấp ở Biển Đông với Brunei, Malaysia, Philippines và Việt Nam.⁷⁵ Việc thiết lập ADIZ phản ánh những nỗ lực không ngừng của Trung Quốc nhằm khẳng định quyền kiểm soát đối với khu vực để bảo vệ lợi ích kinh tế và cái gọi là “quyền lịch sử” trên biển.⁷⁶

Trung Quốc đang trong cơn khát tài nguyên thiên nhiên để duy trì tăng trưởng kinh tế.⁷⁷ Các động thái quân sự và chính trị giữa Trung Quốc và Nhật Bản không chỉ làm xói mòn triển vọng giải quyết hòa bình tranh chấp, ngoài ra nó còn châm ngòi cho một cuộc chiến pháp lý thay vì những bất đồng trong lập trường liên quan đến quyền chủ quyền và nghĩa vụ của các quốc gia ven biển và các quốc gia khác – không chỉ riêng Nhật Bản – như đã được quy định trong UNCLOS về ADIZ của Trung Quốc trên vùng EEZ của nước này.

Trong việc khai thác EEZ – bao gồm 1/3 môi trường biển toàn cầu – theo UNCLOS hiện hành, căng thẳng truyền thống nổi lên và tiếp tục chia rẽ các quốc gia ven biển đang phát triển chủ trương mở rộng quyền tài phán quốc gia ra ngoài phạm vi vùng lãnh hải – vốn được gọi là những nước theo chủ nghĩa lãnh thổ (territorialists) - với các quốc gia phát triển ủng hộ thúc đẩy tự do hàng hải trên vùng biển quốc tế. Tuy nhiên, việc ban hành quy định đối với vùng EEZ bắt nguồn từ sự thỏa hiệp như vậy lại tùy thuộc vào từng cơ chế riêng.⁷⁸ Do đó, trong phạm vi từng khu vực, sự cân bằng về các quyền giữa quốc gia ven biển với các quốc gia khác trong cộng đồng quốc tế cần phải được lưu ý.⁷⁹ Sự phát triển về công nghệ và những yêu sách đối với nguồn tài nguyên thiên nhiên của các quốc gia ven biển phát triển hơn – đặc biệt là ở những quốc gia đang phát triển – đã dẫn đến “việc mở rộng đáng kể các vùng đại dương thành vùng lãnh thổ”⁸⁰ và đã làm xáo trộn sự cân bằng về quyền lợi này. Theo như Tuerk, việc thông qua luật pháp của quốc gia trong vùng EEZ và quyền tài phán tương ứng được hưởng vượt ra ngoài mục đích và bản chất của EEZ đã dẫn đến “từng bước lãnh thổ hóa vùng này vốn truyền thống có quyền tự do trên biển trở thành ngoại lệ về chủ quyền của quốc gia ven biển.”⁸¹

Do đó, quy định trong vùng EEZ nhìn chung được tạo ra cùng với quyền lợi tương ứng của các quốc gia ven biển và các quốc gia khác, và trách nhiệm tương ứng của mỗi nước đối với bên khác khi thực hiện các quyền và hoạt động tự do trên biển của mình. Mặt khác, Điều 56 quy định rằng quyền chủ quyền của quốc gia ven biển đối với việc thăm dò, khai thác, bảo tồn và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên trong vùng EEZ của mình sẽ được thực hiện cùng với việc “quan tâm thích đáng đến quyền và nghĩa vụ của các quốc gia khác.” Ngoài ra, Điều 58 cũng bảo lưu các quyền lợi cụ thể của các quốc gia khác, chẳng hạn như quyền tự do bay qua theo Điều 87 (liên quan đến vùng biển quốc tế) trong vùng EEZ của quốc gia ven biển, nhưng đây không phải là quyền mang tính toàn diện,⁸² trên cơ sở phải quan tâm thích đáng đến quyền và nghĩa vụ của quốc gia ven biển và phải phù hợp với quy tắc và luật lệ của quốc gia ven biển phù hợp với các điều khoản của Công ước cùng với các luật định khác của luật quốc tế trong mức độ là chúng không đối lập với Phần này.⁸³

Điều đó cho thấy rằng, sự đối xứng rõ ràng giữa quyền và nghĩa vụ của quốc gia ven biển và quốc gia khác đối với vùng EEZ của quốc gia ven biển có sự khác biệt về nền tảng pháp lý trong việc thể hiện nghĩa vụ liên quan với việc phản đối đối với quyền và tự do trên biển, những điều được quy định rõ ràng trong UNCLOS và chúng phải được thực thi một cách công bằng.⁸⁴ Trong khi các quốc gia khác bị ràng buộc bởi luật biển quốc tế nhằm tôn trọng các quy định và luật lệ của một quốc gia ven biển – chẳng hạn như trường hợp thiết lập ADIZ – quốc gia ven biển có thể yêu cầu sự tuân thủ chỉ cần bản thân các quy định đó phù hợp với các quyền tự do được quy định trong UNCLOS và các quy định khác của luật quốc tế.

Ngoài ra, Điều 58 Khoản 2 đã tách bạch quyền tự do truyền thống trên biển quốc tế theo Điều 87 ra khỏi các quyền khác của quốc gia ven biển trong vùng EEZ của mình và chỉ được quy định từ Điều 88 đến 115 áp dụng trong vùng EEZ.⁸⁵ Cho dù Điều 87 tái khẳng định về quyền tự do bay qua – xuất phát trực tiếp từ quyền tự do trên biển – trong vùng biển quốc tế và những sửa đổi cần thiết đối với vùng EEZ từ Điều 58 Khoản 1,⁸⁶ việc các quốc gia khác hưởng quyền đó trong vùng không phận trên vùng EEZ của quốc gia ven biển cần tôn trọng các mục đích pháp lý của vùng không phận bên trên vùng biển quốc tế và các sửa đổi cần thiết đối với vùng không phận trên vùng EEZ, hay còn gọi là sự hạn chế nhằm mục đích vì hòa bình.⁸⁷ Trong khi đảm bảo quyền cho cộng đồng các quốc gia, khái niệm về tự do trên biển không hề ngăn cản các quốc gia thực hiện các hoạt động nhất định ở hoặc trên vùng biển quốc tế.⁸⁸ Trái lại, quyền tự do trên biển không phải là tuyệt đối và cũng không phải là bất biến.⁸⁹ Do đó, ADIZ có thể mở rộng ra vùng biển quốc tế, nằm xa bờ biển của một số quốc gia. Mặt khác, quyền tự do trên biển đòi hỏi tất cả các quốc gia phải quan tâm thích đáng đến lợi ích của quốc gia khác trong khi thực hiện quyền tự do trên biển quốc tế,⁹⁰ và trên hết là cần phải được thực hiện với sự tôn trọng các mục đích vì hòa bình trên biển.⁹¹

Đây không phải là lần đầu tiên Trung Quốc mở rộng chủ quyền bầu trời đối với vùng EEZ mặc dù không chính thức thông qua một vùng ADIZ. Trong Tuyên bố Lãnh hải của Trung Quốc năm 1958, Trung Quốc đã tuyên bố rằng lãnh hải nước này mở rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở là đường được xác định bởi “các đường thẳng nối các điểm cơ sở ven biển đại lục và các điểm nằm ngoài cùng các đảo ven biển.” Bên trong đường cơ sở này là vùng nội thủy và bên ngoài là vùng lãnh hải. Tuyên bố tiếp tục nêu rằng “nếu không có sự cho phép của Chính phủ Trung Quốc, không một tàu thuyền nước ngoài nào với mục đích quân sự và không một máy bay nước ngoài nào có thể đi vào vùng lãnh hải và vùng không phận bên trên của Trung Quốc.”⁹² Những trường hợp ban đầu này đã không tính đến sự phát triển của luật biển, việc áp dụng cụ thể những công ước sau này, chẳng hạn như Công ước

Geneva 1958 về Vùng Biển Quốc tế và UNCLOS, Công ước giới hạn ranh giới lãnh hải tới 8 hải lý tính từ đường cơ sở.

Theo Luật 1988 của Trung Quốc về Vùng Đặc quyền Kinh tế và Thềm lục địa, Vùng Đặc quyền Kinh tế (EEZ) của Trung Quốc mở rộng lên tới “200 hải lý tính từ đường cơ sở từ đó chiều rộng của lãnh hải được xác định” và thềm lục địa được xác định tới rìa ngoài của mép thềm lục địa.⁹³ Luật này cũng tuyên bố “mọi Quốc gia, được xem là tuân thủ luật quốc tế và các quy định và luật lệ của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, được hưởng quyền tự do hàng hải và quyền bay qua đối với vùng EEZ và thềm lục địa của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.”⁹⁴

Trung Quốc là một trong số ít quốc gia trên thế giới tuyên bố mình có quyền quy định đối với các hoạt động quân sự trên không phận vùng EEZ.⁹⁵ Do đó, xét trên phương diện an ninh quốc gia, Trung Quốc có thể hạn chế quyền tự do hàng hải và quyền bay qua đối với vùng EEZ của Trung Quốc khi máy bay quân sự không quan tâm thích đáng đến quyền và nghĩa vụ của Trung Quốc theo tinh thần của Điều 58 Khoản 3 của UNCLOS.⁹⁶ Trung Quốc khẳng định quyền này vào năm 2000 khi máy bay do thám hải quân Mỹ bị Trung Quốc ngăn chặn trên không phận Đảo Hải Nam.⁹⁷ Tuy nhiên, đa số các quốc gia vẫn khẳng định quan điểm rằng, hoạt động quân sự trên không phận vùng biển quốc tế và với những sửa đổi cần thiết về chi tiết trên vùng EEZ của một quốc gia ven biển không xâm phạm đến quyền chủ quyền của quốc gia đó chừng nào việc thực hiện quyền tự do bay trên không phận đó vẫn tôn trọng các mục đích hòa bình.⁹⁸ Một số ít quốc gia cho rằng mọi quốc gia khi thực hiện các hoạt động quân sự trên không phận vùng EEZ của một quốc gia ven biển cần phải có sự chấp thuận của quốc gia đó, quan điểm này đang ngày càng phải đối mặt với những phản đối từ các cường quốc biển.⁹⁹

Trung Quốc cam kết rằng, mặc dù như vậy nhưng các quyền, ngoại trừ các điều được quy định trong Luật về EEZ và Thềm Lục địa của Trung Quốc trong vùng EEZ và thềm lục địa, “sẽ được thực hiện phù hợp với luật quốc tế và các quy định và luật của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.”¹⁰⁰ Theo như luận điểm về quyền định đoạt cuối cùng, các quyền và nghĩa vụ khác này của quốc gia ven biển như được quy định theo Điều 56 Khoản 1 Mục c bảo lưu quyền của quốc gia ven biển thực hiện các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia trong trường hợp các hoạt động về tự do trên biển và trên không được thực hiện trái với luật pháp theo như tinh thần của Điều 58 Khoản 1.¹⁰¹ Tuy nhiên, khi Trung Quốc tuần tra trong vùng ADIZ của mình để bảo vệ quốc gia và đảm bảo hòa bình ở những thời điểm cảnh báo cao độ, nước này đã trấn an rằng “hoạt động bay bình thường của các quốc gia khác sẽ không bị ảnh hưởng [vì] các biện pháp Trung Quốc áp dụng trong vùng không phận của Trung Quốc sẽ không mở rộng áp dụng đối với vùng ADIZ.”¹⁰²

Luận điểm về quyền định đoạt cuối cùng có lợi cho ADIZ của Trung Quốc về việc trao cho các quốc gia ven biển các quyền đó ở không phận bên trên vùng EEZ vượt ra ngoài mục đích và bản chất mang tính riêng biệt của vùng EEZ – đó là các quyền về đánh bắt và tài nguyên thiên nhiên – cần phải được nhìn nhận dưới luận điểm về thực tế kinh tế và tình thế mang tính đối đầu hiện nay ở trên biển. Trong khi Trung Quốc và Nhật Bản đã thực hiện quá trình đáng kể trong việc quản lý nguồn các và hydrocarbon,¹⁰³ do thiếu vắng một thỏa thuận về tranh chấp lãnh thổ, rất nhiều nỗ lực mang tính thiện chí này đã trở nên vô ích. Căng thẳng gia tăng trong tranh chấp đảo đã tác động đến việc thực hiện các công đoạn hiệp định nghề cá và hợp tác trên biển về nguồn hydrocarbon ở Hoa Đông, một khu vực tồn tại những yêu sách quyền tài phán chồng lấn.¹⁰⁴

Trong bối cảnh số lượng các vụ va chạm nhỏ giữa lực lượng cảnh sát biển với ngư dân ở cả hai quốc gia đang gia tăng cũng như việc Nhật Bản quốc hữu hóa các hòn đảo tranh chấp vào năm 2012, một cơ chế quản lý khủng hoảng cần phải được thiết lập thay vì đợi chờ một giải pháp tổng thể cho toàn bộ tranh chấp.¹⁰⁵ Trong trường hợp đạt được giải pháp hòa bình, một giải pháp xác định được ranh giới biển giữa hai quốc gia, phạm vi vùng EEZ sẽ vẫn là đối tượng xung đột bởi những điểm cách xa nhất của hai đường cơ sở của Trung Quốc và Nhật Bản chưa đến 400 hải lý – một vùng chồng lấn EEZ 200 hải lý là điều không thể tránh khỏi.¹⁰⁶

Trong khi đó, nền tảng pháp lý cho hoạt động ở biên giới quốc gia của cả hai nước đều chưa được luật pháp quốc tế quy định. Thiếu vắng các quy định rõ ràng trong luật ước cũng như tập quán ngăn chặn hành động như vậy sẽ không thể tạo ra không gian để thỏa hiệp dựa trên những nguyên tắc pháp lý, thay vào đó lại khuyến khích các bên tranh chấp tiếp tục tăng cường yêu sách chủ quyền về lợi ích kinh tế.¹⁰⁷ Một điều có thể hiểu được là việc Trung Quốc thiết lập ADIZ – trên quan điểm về mối đe dọa của Trung Quốc – cần được nhìn nhận một cách đơn thuần về việc thể hiện sức mạnh bảo vệ lợi ích kinh tế vùng EEZ xung quanh các đảo tranh chấp. Từ đó, việc Trung Quốc thực thi quyền tài phán đối với các vùng biển và vùng trời Trung Quốc yêu sách, không chỉ củng cố yêu sách mà nó còn gây bất ổn và làm suy yếu yêu sách của các quốc gia khác tại các vùng biển và vùng trời đó, và theo Fravel thì nó còn “khiến cho các quốc gia yêu sách coi là mối đe dọa, đặc biệt là khi những hành động như vậy xuất phát từ một quốc gia hùng mạnh nhất trong khu vực.”¹⁰⁸ Trái lại, bất cứ thời điểm nào khi những yêu sách như vậy đệ trình trước ban hội thẩm của tòa trọng tài hay tòa án quốc tế, giống như trường hợp của Philippines, Trung Quốc sẽ từ chối cuộc chiến pháp lý đó, thay vào đó, từ bên ngoài căn phòng chật hẹp của phòng xử án, Trung Quốc sẽ tái khẳng định chủ quyền mình.

5. An ninh quân sự và Luật về Sử dụng Vũ lực

Sự phát triển về sức mạnh kinh tế cho phép Trung Quốc phát triển năng lực quân sự và gây ảnh hưởng bằng sức mạnh đó tại các vùng biển của Trung Quốc để bảo vệ lợi ích lãnh thổ và kinh tế, đồng thời luận điểm mới đe dọa Trung Quốc từ đó cũng tăng theo.¹⁰⁹ Ngoài ra, việc Mỹ mở rộng hợp tác quân sự song phương và các liên minh đối với các nước láng giềng của Trung Quốc, đặc biệt là ở Đông Nam Á sau sự kiện 11/9, điều đó minh chứng cho sự phòng ngừa của Trung Quốc khi mở rộng hợp tác thông qua các mối quan hệ đa phương, chẳng hạn như với ASEAN, nhằm ngăn chặn một sự bao vây.¹¹⁰ Mặc dù Trung Quốc hiện đại hóa quân sự cho các lực lượng không quân và hải quân,¹¹¹ Trung Quốc vẫn cho rằng điều đó thiên về phòng thủ, do đó phản đối mọi cáo buộc về sự hiếu chiến của mình. Tuy nhiên trên thực tế, năng lực quân sự mang tính phòng thủ và tấn công thậm chí lại khó phân biệt hơn so với quá trình hướng tới mục đích như vậy.¹¹² Cái gọi là học thuyết chiến lược về phòng thủ chủ động từ xa đối với lãnh hải chính là việc Trung Quốc chuẩn bị cho những xung đột trên biển trong tương lai nhằm bảo vệ những lợi ích kinh tế và địa chính trị trước một quốc gia láng giềng sát sườn, một quốc gia mà Trung Quốc cho là “mất niềm tin chiến lược.”¹¹³ Đối phó với hải quân Nhật Bản – một trong những lực lượng hải quân mạnh nhất trên thế giới và được sự trợ giúp của Mỹ - điều đó đã khuyến khích Trung Quốc đầu tư nhiều hơn vào năng lực phòng thủ và/hoặc tấn công.¹¹⁴ Để tránh dẫn đến việc can dự trực tiếp, cho đến nay Mỹ vẫn do dự hỗ trợ công khai bất kỳ quốc gia nào có xung đột ở Biển Đông và Hoa Đông, thay vào đó Mỹ nhấn mạnh đến tầm quan trọng của tự do hàng hải và quyền bay qua. Những nguyên tắc này đồng thời còn biện minh và công cụ hóa ưu thế quân sự của Mỹ ở Châu Á – Thái Bình Dương cũng như Mỹ dựa vào đó để truyền bá sự tiếp cận quân sự của mình ở khu vực.¹¹⁵

Rõ ràng là mối quan hệ Mỹ - Trung là nhân tố quyết định trong việc giải quyết tranh chấp biển ở Hoa Đông và Biển Đông. Sự ngưỡng mộ và nghi kỵ lẫn nhau giữa hai quốc gia đã ngăn cản một mối quan hệ song phương tích cực, một mối quan hệ có thể đối phó được với những thách thức từ bên ngoài, và nói đúng hơn thì sự ngưỡng mộ và nghi ngờ lẫn nhau đã “nuôi dưỡng” những bất đồng sâu sắc và gây tranh cãi, những bất đồng xuất phát từ sự trỗi dậy của Trung Quốc về sức mạnh kinh tế và địa chính trị.¹¹⁶ Mặt khác, Trung Quốc được cho là thúc đẩy sức mạnh chính trị cho cân xứng với sức mạnh kinh tế, tuy nhiên vẫn nhấn mạnh theo đuổi các tham vọng một cách hòa bình phù hợp với học thuyết đối ngoại Năm Nguyên tắc Cùng Chung sống Hòa bình, đây là học thuyết nhằm thúc đẩy sự tôn trọng về bình đẳng chủ quyền, hợp tác đa phương thực hiện các lợi ích chung trái với quan điểm của Trung Quốc về mô hình của Mỹ: chủ nghĩa đơn phương và bá quyền.¹¹⁷ Mặt khác, những động cơ mang tính khu vực và địa chính trị của Trung

Quốc khi ngày càng phát triển năng lực quân sự tại các vùng biển xung quanh đã tạo nên mối đe dọa thực sự, và do đó các quốc gia ngăn chặn là điều bắt buộc cho tương lai an ninh ở Châu Á – Thái Bình Dương, một khu vực từng được Mỹ bảo đảm về an ninh.¹¹⁸

Những quan điểm trái ngược hoàn toàn này lại một lần nữa nổi lên khi Trung Quốc tuyên bố thiết lập ADIZ. Về điểm này, không lâu sau khi Trung Quốc tuyên bố thiết lập ADIZ, Mỹ đã điều hai máy bay không vũ trang B-52 vào khu vực chỉ để khẳng định những quyền vốn có từ lâu về tự do bay qua lại trên vùng không phận quốc tế.¹¹⁹ Các quan chức Lầu Năm Góc cho rằng, máy bay B-52 đang trên lịch trình nhiệm vụ huấn luyện, đã được lên kế hoạch từ lâu trước tuyên bố thiết lập vùng ADIZ của Trung Quốc.¹²⁰ Ngoài ra, trong báo cáo tới Quốc hội, Bộ Quốc phòng Mỹ khẳng định “Mỹ không chấp nhận và cũng không công nhận những yêu cầu của Trung Quốc về hoạt động trong vùng ADIZ mà Trung Quốc mới tuyên bố. Tuyên bố này sẽ không thay đổi cách thức Mỹ tiến hành các hoạt động quân sự trong khu vực.”¹²¹

Sau đó, Nhật Bản và Hàn Quốc cũng đưa ra các tuyên bố rằng, máy bay quân sự của họ đã bay vùng này. Ngày 28/11/2013, Trung Quốc đã điều máy bay chiến đấu thực hiện nhiệm vụ tuần tra trên không đối với vùng phòng không mới thiết lập quanh các đảo tranh chấp ở Hoa Đông.¹²² Bất kỳ máy bay nào của Trung Quốc bị phát hiện trong vùng ADIZ của Nhật Bản, máy bay F-15 của Nhật sẽ xuất kích để cảnh báo máy bay Trung Quốc rời khỏi khu vực. Ở thời điểm hiện tại, hệ quả có thể xảy ra là máy bay của Trung Quốc có thể phớt lờ những cảnh báo như vậy hoặc sẽ có những nỗ lực truy đuổi lại. Máy bay quân sự Mỹ thường phớt lờ vùng phòng không của các quốc gia không phải là đồng minh và thường phản ứng với tín hiệu radia bằng việc khẳng định quyền hoạt động trong vùng không phận quốc tế.¹²³ Tuy nhiên, Mỹ vẫn thông báo cho phía Nhật Bản khi máy bay B-52 đi vào vùng ADIZ của Nhật Bản, vốn đã được thiết lập từ lâu.¹²⁴ Có vẻ như việc ngăn chặn những va chạm trong tương lai giữa Trung Quốc và Mỹ không thể được giải quyết bằng các thỏa thuận song phương, lý do là điều đó sẽ ngầm công nhận tính hợp pháp trong các hoạt động quân sự của Mỹ trong vùng ADIZ của Trung Quốc.¹²⁵ Một khả năng có thể xảy ra là tranh chấp vốn không rõ ràng này có thể leo thang trở thành một phép thử ở quy mô rộng lớn về sức mạnh ở Châu Á – Thái Bình Dương.¹²⁶

Có thể thấy rằng, dù đang phát triển quân sự, nhưng Trung Quốc vẫn không thể đảm bảo được một chiến thắng quân sự trên quy mô lớn,¹²⁷ do đó nước này cũng đang thách thức Mỹ và các đồng minh trên mặt trận pháp lý. Về mặt này, sức mạnh không còn có thể chỉ cần đo lường và được thực hiện bằng các phương thức quân sự, và như vậy, cuộc chiến pháp lý là công cụ hữu ích để thách thức quan điểm của

đối phương và củng cố vị thế của chính mình. Rõ ràng là chiến lược này đều được cả Mỹ và Trung Quốc sử dụng. Mục tiêu trong cuộc chiến pháp lý là, một bên thách thức và một bên bảo vệ điều được gọi là phương thức bá quyền kiểu Mỹ về tự vệ. Về điều này, học thuyết phòng vệ trước dần được hình thành trên cơ sở từng tình huống theo khuôn khổ quy chuẩn điều chỉnh việc sử dụng vũ lực bên ngoài lãnh thổ - và thường thiên về vùng không gian bên trên vùng EEZ và vùng biển quốc tế.¹²⁸

Nghiên cứu về địa chính trị đối với những hành động quân sự đã lan sang cả những cuộc tranh luận pháp lý liên quan đến điều kiện mà ở đó hành động tự vệ được tiến hành.¹²⁹ Về khía cạnh này, năng lực tình báo của Mỹ cho phép Mỹ phán đoán được tình thế tương lai có thể sẽ gây ra mối đe dọa, biện minh cho hành vi tự vệ trước, và một cuộc tấn công vũ trang phủ đầu sẽ được thực hiện theo như tinh thần của Điều 51 Hiến chương Liên Hợp Quốc.¹³⁰ Điều nghịch lý là Trung Quốc, quốc gia trung thành ủng hộ cách diễn giải hẹp về tự vệ - lại tán thành lập trường hành động tự vệ trước để bào chữa cho việc thiết lập ADIZ. Trong khi vẫn luôn coi mình là quốc gia phản đối chủ nghĩa đơn phương, để giành được sự ủng hộ lớn hơn từ các quốc gia đang phát triển vốn chỉ trích các hành động đơn phương của Mỹ, đặc biệt là từ cuộc chiến Iraq 2003,¹³¹ Trung Quốc lúc này lại sử dụng một chiến lược phòng thủ tương tự để thúc đẩy những mục tiêu như vậy trong vùng ADIZ của mình.

Như vậy, việc thiết lập ADIZ của Trung Quốc chủ yếu là nhằm biện minh cho việc bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ hay độc lập chính trị theo tinh thần Điều 2 Khoản 4 của Hiến chương Liên Hợp Quốc. Ngay cả khi là phương thức phòng ngừa, một vùng ADIZ có thể ngăn chặn, tự vệ trước và bảo vệ các mục tiêu khác.¹³² Những mối đe dọa hiện hữu về bạo lực xảy ra ở Hoa Đông xuất phát từ nhiều nhân tố khu vực và khắp Thái Bình Dương đã thúc đẩy thái độ phòng thủ như vậy đối với an ninh quân sự. Ngay cả khi những quốc gia không phải là quốc gia ven biển muốn sử dụng vùng biển quốc tế và sử dụng vùng EEZ với những sửa đổi cần thiết vào mục đích quân sự, sự hiện diện của họ vẫn phải đi kèm với nghĩa vụ chung đối với mọi quốc gia sử dụng vùng biển quốc tế một cách hòa bình, và nói rộng ra là theo Điều 58 Khoản 2 và Điều 87 UNCLOS, trong vùng EEZ của quốc gia ven biển.¹³³ Tuy nhiên, UNLCOS lại không loại trừ hoạt động quân sự cũng như việc sử dụng hoạt động quân sự khác miễn là phù hợp với Hiến chương Liên Hợp Quốc, bao gồm luật về phòng vệ cá nhân và tập thể, và các quy định khác của luật quốc tế.¹³⁴ Về điểm này, báo cáo năm 1958 của Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc về Giải trừ Quân bị Nói chung và Hoàn chỉnh đã kết luận rằng “[trong] việc thực hiện quyền phòng vệ tập thể, điều rõ ràng là các bên liên quan đến các thỏa thuận an ninh [tập thể] có

thể sử dụng vũ lực trên vùng biển quốc tế, trong giới hạn cho phép của luật quốc tế, nhằm bảo vệ các lực lượng vũ trang, tàu và máy bay công vụ của mình.”¹³⁵

Những giới hạn đó với khía cạnh thiết lập một vùng ADIZ – như việc thực hiện quyền tự vệ trước – là sự cân xứng và cần thiết. Về mặt cân xứng, các biện pháp bảo vệ được thực hiện nhằm đối phó với máy bay dân sự không có vũ trang – bao gồm khai hỏa và buộc phải hạ cánh – khi các máy bay này không tuân thủ các luật lệ và quy định về thông báo và nhận dạng, điều này có thể bị coi là vượt quá giới hạn. Trong khi với sự phát triển của vũ khí hiện đại, bao gồm tên lửa liên lục địa, thì lý do cần thiết để thiết lập vùng ADIZ như vậy là điều vô ích,¹³⁶ những sự kiện như 11/9 và máy bay tự sát đã nhanh chóng thay đổi bối cảnh an ninh của các quốc gia và đảm bảo phương thức đối phó hợp lý để bảo vệ không phận, bảo vệ các bên sử dụng bầu trời cũng như quốc gia ven biển. Tuy nhiên, mối đe dọa kiểu này đối với Trung Quốc dường như không phải là nhân tố chi phối về lý do đằng sau việc Trung Quốc thành lập ADIZ trên vùng EEZ.

6. Kết luận

Sự bế tắc giữa Trung Quốc và các quốc gia láng giềng trong việc giải quyết tranh chấp lãnh thổ và yêu sách biển tồn tại dai dẳng đã đưa đẩy các bên đi theo chiều hướng sẵn sàng cho xung đột và quân sự trong tình thế có thể bùng phát bạo lực. Lối tư duy chiến lược như vậy đã không còn giới hạn chỉ trên cơ sở sức mạnh quân sự; Trung Quốc cũng đã triển khai mặt trận pháp lý để thúc đẩy lợi ích kinh tế và lợi ích quốc gia của mình – như vậy nó phù hợp với chương trình nghị sự của chính phủ mới của Trung Quốc, đó là quản trị bằng luật quốc gia và cũng như trên phương diện toàn cầu. Việc Trung Quốc thiết lập vùng ADIZ cho thấy mục đích đó của Trung Quốc. Theo đó, nước này lập luận theo kiểu bên lẽ luật quốc tế, cụ thể hơn là thông qua các nhánh luật trên không gian bầu trời, luật biển và luật về sử dụng vũ lực, để thách thức quan điểm chi phối của Mỹ, ngược lại bảo vệ quan điểm của Trung Quốc về áp dụng vượt ranh giới lãnh thổ nội luật của một quốc gia về quản lý không phận nằm ngoài lãnh thổ, quyền tự do bay qua, quyền tự vệ trước.

Cách diễn giải và áp dụng khác nhau các quy chuẩn quốc tế về thẩm quyền thiết lập và điều tiết phương thức hoạt động đối với vùng ADIZ đã phản ánh sự bất tương xứng giữa các cường quốc toàn cầu và khu vực. Mặt khác, sự khác biệt như vậy giữa Trung Quốc, các quốc gia láng giềng và Mỹ có thể gây nguy hiểm cho an ninh tập thể vượt ra ngoài phạm vi khu vực Đông Á và có thể gây rủi ro làm xói mòn hơn nữa một khuôn khổ mang tính quy tắc như vậy. Mặt khác, tính không rõ ràng trong các quy định đó có thể tạo đủ không gian linh hoạt cho các bên duy trì

sự cân bằng giữa các lợi ích chủ quyền, theo đó tránh sa vào tranh cãi về tính hợp pháp/bất hợp pháp đối với các hành động, yêu sách và tập trung vào các biện pháp xây dựng lòng tin và mối quan hệ giữa các bên.¹³⁷ Tuy nhiên, khi năng lực quân sự Trung Quốc ngày càng phát triển, điều đó sẽ tiếp tục tác động đến cách mà Trung Quốc nhận thức về lợi ích cũng như khả năng bảo vệ các lợi ích đó ở các vùng biển của mình.¹³⁸

Bài viết của các tác giả được đăng trên [China Review, Vol. 16, No. 1, 2016](#) do The Chinese University Press xuất bản.

**Trần Quang (dịch)
Đình Tuấn Anh (hiệu đính)**

Bài dịch thuộc bản quyền Nghiên cứu Biển Đông. Đề nghị chỉ được dẫn đường link, không đăng lại khi chưa có sự đồng ý của Ban Biên tập.

¹ J. Randy Forbes and Michael Auslin, “U.S. Power Loses Altitude in Asia,” *Wall Street Journal*, 12/12/2013, A11.

² Calum MacLeod, “Biden Has Tense Visit in China over Air Zone,” *USA Today*, 5/12/2013, A11.

³ Jane Perlez and Martin Fackler, “China Patrols Air Zone over Disputed Islands,” *New York Times*, 29/11/2013, A16.

⁴ Jae Woon Lee, “Tension on the Air: The Air Defense Identification Zones on the East China Sea,” *Journal of East Asia and International Law*, Tập. 7(2014), tr. 276.

⁵ “Tuyên bố của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về việc Thiết lập Vùng Nhận dạng Phòng không tại Hoa Đông,” *Xinhua News*, cập nhật lần cuối vào ngày 23/11/2013, http://www.gov.cn/jrzg/201311/23/content_2533235.htm.

⁶ “China’s ADIZ Will Not Cause Tension,” *Xinhua News*, cập nhật lần cuối ngày 29/11/2013, http://www.gov.cn/xinwen/2013-11/29/content_2608156.htm.

⁷ “Tuyên bố của Cảnh Nhạn Sinh, Phát ngôn viên Bộ Quốc phòng, về việc Thiết lập Vùng Nhận dạng Phòng Không tại Hoa Đông,” *Xinhua News*, cập nhật lần cuối ngày 3/12/2013,

http://www.gov.cn/jrzg/2013-12/03/content_2541393.htm.

⁸ “Chinese FM Spokesman Gives Full Account of Air Collision,” *Xinhua News*, cập nhật lần cuối ngày 3/4/2001, <http://news.xinhuanet.com/english/20010404/393251.htm>.

⁹ Jinyuan Su, “The East China Sea Air Defense Identification Zone and International Law,” *Chinese Journal of International Law*, Vol. 14(2015), tr. 271–303; Juqian Li, “Air Defense Identification Zone: The Restriction on the Free Sky due to the Residual Right Principle,” *China Legal Science*, Vol. 2(2014), tr. 13–36; Bei He, “The Legal Basis and Suggestions for Establishing Air Defense Identification Zone in China,” *Research on Rule of Law*, Vol. 30(2013), tr. 30–34; Chongmin Wang and Ligang Zou, “On the Establishment of Air Defense Identification Zone in China’s Exclusive Economic Zone,” *Law Science Magazine*, Vol. 1(2013), tr. 95–99; Pengcheng Zhao, “On the Legal System of Establishing Air Defense Identification Zone in China,” *Legal System and Society*, Vol. 10(2009), tr. 94–95; Guifang Xue and Xuyuan Xiong, “On the Legal Theories of Establishing Air Defense Identification Zone,” *Journal of Ocean University of China (Social Sciences)*, Vol. 6(2007), tr. 37–39; Lin Zhang and Rui Zhang, “The Legal Basis of Establishing Air Defense Identification Zone,” *Journal of Xi’an Politics Institute of PLA*, Vol. 6(2007), tr. 77–78; Ivan L. Head, “Air Defense Identification Zone, International Law and Adjoining Spaces,” *China Legal Science*, Vol. 6(2001), tr. 145–158.

¹⁰ Sukjoon Yoon, “The East China Sea ADIZ: New Flashpoint in Regional Maritime Security,” *Canadian Naval Review*, cập nhật lần cuối ngày 10/12/2013, <http://www.navalreview.ca/2013/12/the-east-china-sea-adiz->

newflashpoint-in-regional-maritime-security/; Jun Osawa, “China’s ADIZ over the East China Sea: A ‘Great Wall in the Sky’?,” *Brookings*, cập nhật lần cuối ngày 17/12/2013, <http://www.brookings.edu/research/opinions/2013/12/17-china-air-defense-identification-zone-osawa>; Christopher K. Lamont, “Law, Conflict and Airspace: Understanding Air Defense Identification Zones,” *Openasia*, cập nhật lần cuối ngày 17/1/2014, <http://openasia.asia/law-conflict-and-airspace-understanding-air-defense-identification-zones-1231>; Zackary Keck, “China’s Drafting a South China Sea ADIZ,” *Diplomat*, cập nhật lần cuối ngày 31/1/2014, <http://thediplomat.com/2014/01/chinas-drafting-a-south-china-sea-adiz/>; Jaemin Lee, “China’s Declaration of an Air Defense Identification Zone in the East China Sea: Implications for Public International Law,” *Proceedings American Society of International Law*, Vol. 18(19/9/ 2014); Eric Heginbotham, “China’s ADIZ in the East China Sea,” *Lawfareblog*, cập nhật lần cuối ngày 24/8/2014, <http://www.lawfareblog.com/2014/08/the-foreign-policy-essay-chinasadiz-in-the-east-china-sea/>.

¹¹ Về thuyết về mối đe dọa Trung Quốc, xem thêm: Chen Jian, “China’s Prolonged Rise: Legitimacy Challenges and Dilemmas in the Reform and Opening-up Era,” in *International Relations since the End of the Cold War: New and Old Dimensions*, biên tập Geir Lundestad (Oxford: Oxford University Press, 2012), tr. 248; Jian Yang, *The Pacific Islands in China’s Grand Strategy, Small States, Big Games* (London: Palgrave, 2011), tr. 40; Thomas J. Christensen, “Windows and War: Trend Analysis and Beijing’s Use of Force,” in *New Directions in the Study of China’s Foreign Policy*, biên tập Alastair Iain Johnston and Robert S. Ross (Stanford: Stanford University Press, 2006), tr. 50–85; Andrew Scobell, *China’s Use of Military Force: Beyond the Great Wall and the Long March* (Cambridge: Cambridge University Press, 2003), tr. 198. Về chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa nước lớn, xem thêm: Michael Cox, “New China, New Cold War,” in *Statecraft and Security: The Cold War and Beyond*, biên tập Ken Booth (Cambridge: Cambridge University Press, 1998), tr. 236; Robert S. Ross, “China’s Naval Nationalism: Sources, Prospects, and the U.S. Response,” *International Security*, Vol. 34(2009), tr. 46–81; James Manicom, “Growing Nationalism and Maritime Jurisdiction in the East China Sea,” *China Brief: A Journal of Analysis and Information*, Vol. 10(2010), tr. 9–11. Về mối lo của Trung Quốc về các sáng kiến an ninh của Mỹ và Nhật Bản tại các vùng biển của Trung Quốc và các nỗ lực đối phó với thuyết về mối đe dọa Trung Quốc, xem thêm: Victor D. Cha, “The Security Dilemma in Asian Architecture: United States, Japan, and China,” in *The U.S.-Japan Security Alliance: Regional Multilateralism*, biên tập Takashi Inoguchi, G. John Ikenberry, and Yoichiro Sato (Basingstoke: Palgrave Macmillan, 2011), tr. 160; Chih-yu Shih, *Sinicizing International Relations: Self, Civilization, and Intellectual Politics in Subaltern East Asia* (Basingstoke: Palgrave Macmillan, 2013), tr. 20.

¹² Học thuyết an ninh toàn diện kết hợp với các nhân tố tương tự của Năm Nguyên tắc cùng Chung sống Hòa bình – bao gồm tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền, không xâm lược, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, cùng chung sống hòa bình – các nguyên tắc này đã từng được thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai đưa ra và nay được chủ tịch Tập Cận Bình tái khẳng định. Xem Jinping Xi, “Five Principles of Peaceful Coexistence Are Not Outdated,” cập nhật lần cuối ngày 28/6/2014, http://big5.xinhuanet.com/gate/big5/news.xinhuanet.com/english/china/2014-06/28/c_133445548.htm; xem thêm Russell Ong, *China’s Security Interests in the 21st Century* (London: Routledge, 2007), tr. 12.

¹³ Một số học giả đã đưa ra các phân tích toàn diện về sự phát triển và thực thi ADIZ. Xem Peter A. Dutton, “Caelum Liberam: Air Defense Identification Zones Outside Sovereign Airspace,” *American Journal of International Law*, Vol. 103(2009), tr. 1–19; Elizabeth Cuadra, “Air Defense Identification Zones: Creeping Jurisdiction in the Airspace,” *Virginia Journal of International Law*, Vol. 18(1978), tr. 485–512. Học giả duy nhất nỗ lực đưa ra những phân tích về việc thiết lập các ADIZ ở Hoa Đông. Xem Lee, “Tension on the Air,” tr. 274–281.

¹⁴ James Kraska, *Maritime Power and the Law of the Sea: Expeditionary Operations in World Politics* (Oxford: Oxford University Press, 2011), tr. 321. Đại tá người Mỹ Charles J. Dunlap đã đưa ra thuật ngữ này vào lần đầu tiên năm 2001 do hệ quả can dự của Mỹ dẫn đến sự can thiệp quân sự vào Afghanistan. Trong bối cảnh đó, thuật ngữ này dung để ám chỉ đến “việc sử dụng luật pháp làm vũ khí chiến tranh” có thể làm xói mòn sự can thiệp và vai trò lãnh đạo toàn cầu của Mỹ. Xem Charles J. Dunlap, “Law and Military Interventions: Preserving Humanitarian Values in the 21st Century,” bài tham luận được trình bày tại Hội thảo Thách thức Nhân đạo về Sự Can thiệp Quân sự, Trung tâm Nghiên cứu Carr, Trường Chính sách Công Kennedy, Đại học Harvard, Washington, DC, ngày 29/11/2001. Không ngạc nhiên khi Bộ Quốc phòng Mỹ đã đưa ra báo cáo năm 2007 tại Quốc hội Mỹ rằng “gần đây, các nhà chiến lược Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (PRC) ngày càng quan tâm đến lợi thế của luật quốc tế làm công cụ để đối phó với kẻ thù trước một cuộc chiến... Trung Quốc... đang định hình dư luận quốc tế theo hướng có lợi cho cách

diễn giải méo mó của mình về UNCLOS bằng việc thay đổi quan điểm của học giả và nhận thức quốc gia đối với các quy chuẩn vốn được chấp nhận từ lâu về tự do hàng hải và hướng tới các diễn giải gia tăng thẩm quyền quốc gia đối với vùng EEZ, vùng không phận trên EEZ và có thể là cả vùng không gian vũ trụ.” Xem “Báo cáo Thường niên tại Quốc hội về Sức mạnh Quân sự Của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 2007,” Bộ Quốc phòng Mỹ, ngày 13, truy cập lần cuối ngày 23/12/2015, <http://www.defense.gov/pubs/pdfs/070523-China-Military-Power-final.pdf>.

¹⁵ Sam Bateman, “Security and the Law of the Sea in East Asia: Navigational Regimes and Exclusive Economic Zones,” in *The Law of the Sea: Progress and Prospects*, biên tập David Freestone, Richard Barnes, và David Ong (Oxford: Oxford University Press, 2006), tr. 367.

¹⁶ Yun Sun, *Chinese National Security Decision-making: Processes and Challenges* (Washington, DC: Brookings Institution, 2013), tr. 2.

¹⁷ Xem Ong, *China’s Security Interests*, tr. 12–19.

¹⁸ Zonglai Wang and Bin Hu, “China’s Reform and Opening-up and International Law,” *Chinese Journal of International Law*, Vol. 9(2010), tr. 201–202.

¹⁹ Yongnian Zheng and Chi Zhang, “‘Soft Power’ and Chinese Soft Power,” in *China’s Soft Power and International Relations*, biên tập Hongyi Lai and Yiyi Lu (New York: Routledge, 2012), 21; xem thêm Francis Synder, “China, Regional Trade Agreements and WTO Law,” *Journal of World Trade*, Vol. 43(2009), tr. 54; Jacques deLisle, “China’s Approach to International Law: A Historical Perspective,” *ASIL Proceedings*, Vol. 94(2000), tr. 267–275.

²⁰ Manjiao Chi, “China’s Participation in WTO Dispute Settlement over the Past Decade: Experiences and Impacts,” *Journal of International Economic Law*, Vol. 15, No. 1(2015), tr. 29–49.

²¹ Wei Shen, “Is Brics’ New Development Bank New?,” *Butterworths Journal of International Banking and Financial Law*, Vol. 29, No. 10(2014), tr. 655–656.

²² Bộ Ngoại giao Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, “Position Paper of the Government of the People’s Republic of China on the Matter of Jurisdiction in the South China,” cập nhật lần cuối ngày 7/12/ 2014, http://www.fmprc.gov.cn/mfa_eng/zxxx_662805/t1217147.shtml.

²³ Jisi Wang, “International Relations Theory and the Study of Chinese Foreign Policy: A Chinese Perspective,” in *Chinese Foreign Policy: Theory and Practice*, edited by Thomas W. Robinson and David Shambaugh (Oxford: Clarendon Press, 2006), tr. 488–492.

²⁴ “Resolution of the Eighteenth National Congress of the Communist Party of China on the Report of its Seventeenth Central Committee adopted at the Eighteenth National Congress of the Communist Party of China,” cập nhật lần cuối ngày 14/11/ 2012, http://news.xinhuanet.com/english/special/18cpnc/2012-11/14/c_131973742.htm.

²⁵ Jinping Xi, *The Governance of China* (Beijing: Foreign Languages Press, 2014), tr. 160–161.

²⁶ Xem ví dụ, Stanley Hoffmann, “The Study of International Law and the Theory of International Relations,” *American Society of International Law Proceedings*, Vol. 57(1963), tr. 26–35; Anne-Marie Slaughter Burley, “International Law and International Relations Theory: A Dual Agenda,” *American Journal of International Law*, Vol. 87(1993), tr. 205–239; Shirley V. Scott, “International Law as Ideology: Theorizing the Relationship between International Law and International Politics,” *European Journal of International Law*, Vol. 5(1994), pp. 313–325; John K. Setear, “An Iterative Perspective on Treaties: A Synthesis of International Relations Theory and International Law,” *Harvard International Law Journal*, Vol. 37(1996), tr. 139–329; Michael Byers, *Custom, Power and the Power of Rules: International Relations and Customary International Law* (Cambridge: Cambridge University Press, 2004), tr. 21–34; Michael Byers, “International Law,” in *The Oxford Handbook of International Relations*, biên tập Christian Reus-Smit and Duncan Snidal (Oxford: Oxford University Press, 2010), tr. 612–631.

²⁷ Hoffmann, “Study of International Law,” tr. 33

²⁸ Công ước Về Hàng Không Dân dụng Quốc tế (sau là Công ước Chicago), phụ lục 15, ngày 7/12/1944, 61Stat. 1180, 15UNTS 295.

²⁹ Công ước Về Hàng Không Dân dụng Quốc tế, Điều 32, ngày 13/10/1919, 11 LNTS 174(Sau là Công ước Paris).

- ³⁰ Công ước Chicago, Điều 12
- ³¹ Tlđđ, điều 1,2; I. H. Ph. Diedericks-Verschuur, *An Introduction to Air Law* (Alphen aan den Rijn: Kluwer, 2006), tr. 38.
- ³² Sean D. Murphy, *Principles of International Law* (St. Paul: Thomas/West, 2006), tr. 344; Haijiang Yang, *Jurisdiction of the Coastal State over Foreign Merchant Ships in Internal Waters and the Territorial Sea* (Berlin: Springer, 2006), Phần 3.
- ³³ Antonio Cassese, *International Law* (Oxford: Oxford University Press, 2001), tr. 63.
- ³⁴ Anthony Aust, *Handbook of International Law* (Cambridge: Cambridge University Press, 2010), tr. 325–326.
- ³⁵ Công ước Chicago, Điều 3 Khoản c.
- ³⁶ Tlđđ, Điều 3 Khoản d. Xem thêm Ruwantissa Abeyratne, *Convention on International Civil Aviation: A Commentary* (Berlin: Springer, 2014).
- ³⁷ Vera A. Foster Rollo, *Aviation Law: An Introduction* (Fruitland: Maryland Historical Pr, 1985), tr. 282.
- ³⁸ Công ước Chicago, Phụ lục 15.
- ³⁹ Tlđđ, Điều 3bis(a).
- ⁴⁰ Tlđđ, Điều 12, Phụ lục 2, Quy định Hàng không, 2.2.1 Ghi chú xem Michael Milde, *International Air Law and ICAO* (Utrecht: Eleven, 2008), tr. 69..
- ⁴¹ Brunson MacChesney, *International Law Situation and Documents 1956: Situation, Documents and Commentary on Recent Developments in the International Law of the Sea* (Newport: U.S. Naval War College, 1957), tr. 577–600.
- ⁴² Luật ngày 9/9/1950, Pub. L. 81-778, 64Stat. 825(1950), dòng. 1203; Security Control of Air Traffic, 14C.F.R., Phần 99.
- ⁴³ 14C.F.R. §99(2000); 49U.S.C.A. §§40103(b)(3); 46307(1997).
- ⁴⁴ “Soviet Gets Apology by France for Jet’s Shots,” *Schenectady Gazette*, 11/2/1961, tr. 1.
- ⁴⁵ Xue and Xiong, “On the Legal Theories,” tr. 36.
- ⁴⁶ Paul B. Larsen, Joseph C. Sweeney, and John E. Gillick, *Aviation Law: Cases, Laws and Related Sources* (Leiden: Martinus Nijhoff, 2006), tr. 44.
- ⁴⁷ Xue and Xiong, “On the Legal Theories,” tr. 36.
- ⁴⁸ Myres S. McDougal, Harold D. Lasswell, and Ivan A. Vlasic, *Law and Public Order in Space* (New Haven, CT: Yale University Press, 1963), tr. 307–311.
- ⁴⁹ Mark Landler and Jane Perlez, “Biden Backs Ally Japan but Avoids Roiling China,” *New York Times*, 4/12/ 2013, A6.
- ⁵⁰ Xue and Xiong, “On the Legal Theories,” tr. 39.
- ⁵¹ Yuka Hayashi and Jeremy Page, “U.S., Japan Rebuke China in Islands Dispute,” *Wall Street Journal*, 25/11/ 2013, A8.
- ⁵² Forbes and Auslin, “U.S. Power Loses Altitude,” tr. 11.
- ⁵³ Chico Harlan, “South Korea Will Expand Its Air Defense Zone, Defense Ministry Says,” *Washington Post*, 8/12/2013.
- ⁵⁴ Natalie Klein, *Maritime Security and the Law of the Sea* (Oxford: Oxford University Press, 2011), tr. 61.
- ⁵⁵ Jordan J. Paust, Joan M. Fitzpatrick, and Jon M. Van Dyke, *International Law and Litigation in the US* (St. Paul: Thomson/West, 2000), tr. 847.
- ⁵⁶ Công ước Chicago, Điều 3bis

⁵⁷ Oliver J. Lissitzyn, “Some Legal Implication of the U-2and RB-47Incidents,” *American Journal of International Law*, Vol. 56(1962), tr. 141.

⁵⁸ Tlđđ

⁵⁹ Bin Cheng, “The Destruction of KAL Flight KE007, and Article 3Bis of the Chicago Convention,” in *Air Worthy. Liber Amicorum Honouring Professor Dr. I. H. Ph. Diederiks-Verschoor*, biên tập J. W. E. Storm van’s Gravensande and A. van der Veen Vonk (Deventer: Kluwer Law & Taxation, 1985), tr. 47–74.

⁶⁰ “Announcement of the Aircraft Identification Rules for the East China Sea Air Defense Identification Zone of the People’s Republic of China,” *Xinhua News*, cập nhật lần cuối ngày 24/11/2013, http://www.gov.cn/jrzg/2013-11/23/content_2533101.htm.

⁶¹ “Statement by the Government of the People’s Republic of China on Establishing the East China Sea Air Defense Identification Zone,” *Xinhua News*, cập nhật lần cuối ngày 23/11/2013, http://www.gov.cn/jrzg/201311/23/content_2533235.htm.

⁶² Tlđđ

⁶³ MacLeod, “Biden Has Tense Visit,” A11.

⁶⁴ Simon Mundy, Song Jung-a, and Demetri Sevastopulo, “S Korea Airlines Give Data to China,” *Financial Times*, 13/12/2013, tr. 3.

⁶⁵ Tlđđ

⁶⁶ Landler and Perlez, “China Patrols Air Zone,” A6.

⁶⁷ Agencies, “Summit Calls for ‘Freedom of the Air and Sea’,” *South China Morning Post*, 15/12/2013, A3.

⁶⁸ Forbes and Auslin, “U.S. Power Loses Altitude,” tr. 11.

⁶⁹ Yuka Hayashi and Andy Pasztor, “Japan, U.S. at Odds over China’s Air Zone,” *The Wall Street Journal*, 2/12/2013, A16.

⁷⁰ Mundy, Jung-a, and Sevastopulo, “S Korea Airlines Give Data to China,” 3.

⁷¹ Nico Krisch, “International Law in Times of Hegemony: Unequal Power and the Shaping of the International Legal Order,” *European Journal of International Law*, Vol. 16(2005), tr. 400.

⁷² Công ước Chicago, phụ lục 2 “Rules of the Air.”

⁷³ Tlđđ, Điều 44

⁷⁴ Guidelines for Navigation and Overflight in the Exclusive Economic Zone, EEZ Group 21(15–16/9/2005), III a), b).

⁷⁵ Ngày 22/1/2013, Philippines đã khởi kiện Trung Quốc tại Tòa Trọng tài Thường trực Quốc tế (PCA). Philippines thách thức tính hợp pháp của yêu sách đường 9 đoạn mà Trung Quốc sử dụng để minh họa cho yêu sách bao trùm gần như toàn bộ Biển Đông. Tuy nhiên, Trung Quốc đã từ chối tham gia dù là bên ký kết UNCLOS và có thể không tuân thủ phán quyết của ban hội thẩm tòa trọng tài. Xem “The Republic of the Philippines v. The People’s Republic of China,” PCA, cập nhật lần cuối ngày 14/12/2015, http://www.pca-cpa.org/showpage65f2.html?pag_id=1529. Vào ngày 5/1/2014, Mỹ đã bác bỏ yêu sách đường 9 đoạn của Trung Quốc. Xem “Testimony of Daniel Russel Assistant Secretary of State Bureau of East Asian and Pacific Affairs U.S. Department of State,” House Committee on Foreign Affairs Subcommittee on Asia and the Pacific Wednesday, 5, cập nhật lần cuối ngày 5/1/2014, <http://docs.house.gov/meetings/FA/FA05/20140205/101715/HHRG-113-FA05-Wstate-RusselD-20140205.pdf>; xem thêm Jeffrey A. Bader, “The U.S. and China’s Nine-Dash Line: Ending the Ambiguity,” cập nhật lần cuối ngày 6/1/2014, <http://www.brookings.edu/research/opinions/2014/02/06-us-china-nine-dash-line-bader>.

⁷⁶ “Exclusive Economic Zone and the Continental Shelf Act,” cập nhật lần cuối ngày 26/6/1998, http://www.un.org/depts/los/LEGISLATIOANDTREATIES/PDFFILES/chn_1998_eez_act.pdf. Xem thêm Jia Yu, “International Perspective on the Dotted Line in the South China Sea,” *China Legal Science*, Vol. 1(2013), tr. 53.

- ⁷⁷ Richard Rosecrance, “Power and International Relations: The Rise of China and Its Effects,” *International Studies Perspectives*, Vol. 7(2006), tr. 33; Ben Saul, “China, Natural Resources, Sovereignty and International Law,” *Asian Studies Review*, Vol. 37(2013), tr. 205.
- ⁷⁸ Bateman, “Security and the Law of the Sea,” tr. 380.
- ⁷⁹ Helmut Tuerk, *Reflections on the Contemporary Law of the Sea* (Leiden: Brill, 2012), tr. 161.
- ⁸⁰ Miles Kahler, “Territoriality and Conflict in an Era of Globalization,” in *Territoriality and Conflict in an Era of Globalization*, biên tập Miles Kahler and Barbara F. Walter (Cambridge: Cambridge University Press, 2009), tr. 17.
- ⁸¹ Tuerk, *Reflections on the Contemporary Law*, tr. 161.
- ⁸² Điều 86 UNCLOS, ngày 10/12/1982, 1833UNTS 397 tuyên bố rằng “điều này không đòi hỏi bất kỳ sự hạn chế nào mà tất cả các quốc gia được hưởng quyền tự do trong vùng đặc quyền kinh tế phù hợp với Điều 58.”
- ⁸³ Tlđđ, Điều 58 Khoản 3
- ⁸⁴ Công ước Vienna về Luật các Hiệp ước, Điều 31 Khoản 1, ngày 6/5/1969, 1155 UNTS 331. Xem thêm David Anderson, “Freedoms of the High Seas in the Modern Law of the Sea,” in Freestone, Barnes, and Ong, *Law of the Sea*, tr. 323–333.
- ⁸⁵ Myron H. Nordquist, Satya N. Nandan, and Shabtai Rosenne, eds., *United Nations Convention on the Law of the Sea 1982—A Commentary*, vol. 3 (Leiden: Brill, 2011), tr. 80.
- ⁸⁶ Donald R. Rothwell and Tim Stephens, *The International Law of the Sea* (Oxford: Hart, 2010), tr. 93.
- ⁸⁷ Xem CUNLOS, Điều 88, Công ước Geneva về Biển Quốc tế, Điều 2, ngày 29/4/1958, 450UNTS 82.
- ⁸⁸ Công ước Geneva về Biển Quốc tế, Điều 2 Khoản 2.
- ⁸⁹ Daniel P. O’Connell, *The International Law of the Sea* (Oxford: Clarendon, 1984), tr. 796.
- ⁹⁰ Công ước Geneva về Vùng Biển Quốc tế, Điều 2.2; UNCLOS, Điều 87 Khoản 2.
- ⁹¹ Stuart Kaye, “Freedom of Navigation in a Post 9/11 World: Security and Creeping Jurisdiction,” in Freestone, Barnes, and Ong, *Law of the Sea*, tr. 353–354.
- ⁹² “Declaration on China’s Territorial Sea,” last modified 9 September 1958, <http://www.state.gov/documents/organization/58832.pdf>; Xem thêm “Law of the PRC on the Territorial Sea and Contiguous Zone,” Điều 12, cập nhật lần cuối ngày 25/2/1992, http://english.chinamil.com.cn/site2/specialreports/2006-04/20/content_460094.htm.
- ⁹³ Luật Vùng Đặc Quyền Kinh tế và Thềm Lục địa, Điều 2
- ⁹⁴ Tlđđ, Điều 11.
- ⁹⁵ Tlđđ
- ⁹⁶ Raul Pedrozo cho rằng thất bại của Trung Quốc, bao gồm các lợi ích về an ninh, trong quá trình đàm phán hướng tới ký kết UNCLOS giải thích cho lý do rằng, nước này giờ đang đơn phương theo đuổi việc mở rộng thẩm quyền của quốc gia ven biển. Xem Raul (Pete) Pedrozo, “Preserving Navigational Rights and Freedoms: The Right to Conduct Military Activities in China’s Exclusive Economic Zone,” *Chinese Journal of International Law*, Vol. 9(2010), tr. 11.
- ⁹⁷ Eric Donnelly, “The United States-China EP-3 Incident: Legality and Realpolitik,” *Journal of Conflict & Security*, Vol. 9(2004), tr. 30.
- ⁹⁸ Quy định chung là máy bay quân sự của một quốc gia không được phép bay qua vùng lãnh thổ quốc gia khác mà không có giấy mời đặc biệt. Trong trường hợp cần thiết, việc nhập cảnh không được từ chối nhưng phải đưa ra tín hiệu cấp cứu và phải hạ cánh càng sớm càng tốt. Xem Oliver J. Lissitzyn, “The Treatment of Aerial Intruders in Recent Practice and International Law,” *American Journal of International Law*, Vol. 47(1953), tr. 586–589.

- ⁹⁹ Dutton, “Caelum Liberam,” 7; see also Haiwen Zhang, “Is It Safeguarding the Freedom of Navigation or Maritime Hegemony of the United States? Comments on Raul (Pete) Pedrozo’s Article on Military Activities in the EEZ,” *Chinese Journal of International Law*, Vol. 9(2010), tr. 37.
- ¹⁰⁰ Luật về Vùng Đặc quyền Kinh tế và Thềm Lục địa, Điều 13.
- ¹⁰¹ Li, “Air Defense Identification Zone”, tr. 13–36
- ¹⁰² “Air Force Patrols of China’s ADIZ Legitimate: Spokesman,” *Xinhua News*, cập nhật lần cuối ngày 29/11/2013, http://www.gov.cn/xwfb/2013-11/29/content_2538624.htm.
- ¹⁰³ Ngày 11/11/1007, Trung Quốc và Nhật Bản đã ký thỏa thuận nghề cá song phương và có hiệu lực ngày 1/6/2000. Nhật Bản và Đài Loan cũng đạt được hiệp định nghề cá vào ngày 10/4/2013 trong thời gian căng thẳng giữa Trung Quốc và Nhật Bản. Xem Keyuan Zou, “Sino-Japanese Joint Fishery Management in the East China Sea,” *Marine Policy*, Vol. 27(2003), tr. 125–142. Ngày 18/6/2008, Trung Quốc và Nhật Bản đã đạt được đồng thuận cùng phát triển các mỏ khí ga ở Hoa Đông, theo đó biển vùng biển này thành vùng biển của “hòa bình, hợp tác và hữu nghị” nhưng vấn đề phân định biển không nằm trong thảo luận. Cuối cùng, thỏa thuận đã không được thực thi. Xem Ralf Emmers, *Resource Management and Contested Territories in East Asia* (Basingstoke: Palgrave Macmillan, 2013), tr. 42.
- ¹⁰⁴ Ching-Hsiewn Ou and Huan-Sheng Tseng, “The Fishery Agreements and Management Systems in the East China Sea,” *Ocean & Coastal Management*, Vol. 53(2010), tr. 279–288; Clive H. Schofield and Ian TownsendGault, “Choppy Waters Ahead in ‘A Sea of Peace Cooperation and Friendship’? Slow Progress towards the Application of Maritime Joint Development to the East China Sea,” *Marine Policy*, Vol. 35(2011), tr. 25–33.
- ¹⁰⁵ Xem Sheila A. Smith, “Japan and the East China Dispute,” *Orbis*, Vol. 56 (2012), tr. 370–390.
- ¹⁰⁶ Emmers, *Resource Management and Contested Territories*, tr. 36.
- ¹⁰⁷ Carlos Ramos-Mrosovsky, “International Law’s Unhelpful Role in the Senkaku Islands,” *University of Pennsylvania Journal of International Law*, Vol. 29(2008), tr. 933. Xem thêm Wendy N. Duong, “Following the Path of Oil: The Law of the Sea or Realpolitik—What Good Does Law Do in the South China Sea Territorial Conflicts?,” *Fordham International Law Journal*, Vol. 30(2006–2007), tr. 1098–1208.
- ¹⁰⁸ M. Taylor Fravel, “China’s Strategy in the South China Sea,” *Contemporary Southeast Asia*, Vol. 33(2011), tr. 299–300.
- ¹⁰⁹ Ehsan M. Ahrari, *The Great Powers versus the Hegemon* (Basingstoke: Palgrave Macmillan, 2011), tr. 36–37.
- ¹¹⁰ Thomas J. Christensen, “Fostering Stability or Creating a Monster? The Rise of China and U.S. Policy toward East Asia,” *International Security*, Vol. 31(2006), tr. 120.
- ¹¹¹ Martin Kleiber, “The Chinese Military on a Long March into the 21st Century,” in *China: The Rising Power*, biên tập Gunther Hauser and Franz Kernic (Frankfurt am Main: Peter Lang, 2009), tr. 198.
- ¹¹² John J. Mearsheimer, “The Gathering Storm: China’s Challenge to US Power in Asia,” *Chinese Journal of International Politics*, Vol. 3(2010), tr. 383; xem thêm Lyle Goldstein, “Chinese Navel Strategy in the South China Sea: An Abundance of Noise and Smoke, but Little Fire,” *Contemporary Southeast Asia*, Vol. 33(2011), tr. 320–347.
- ¹¹³ “Annual Report to Congress, Military Power of the People’s Republic of China 2009,” U.S. Department of Defense, tại 48 và 18, cập nhật lần cuối ngày 23/12/2015, http://www.defense.gov/pubs/pdfs/China_Military_Power_Report_2009.pdf; “2015China Defense White Paper,” State Council Information Office of the People’s Republic of China, truy cập lần cuối ngày 23/12/2015, <http://eng.mod.gov.cn/Database/WhitePapers/>; Gilbert Rozman, *Chinese Strategic Thought towards Asia* (New York: Palgrave, 2010), tr. 263; Xem thêm Sun, *Chinese National Security*, tr. 22.
- ¹¹⁴ M. Taylor Fravel, “Power Shifts and Escalation: Explaining China’s Use of Force in Territorial Disputes,” *International Security*, Vol. 32(2007–2008), tr. 82.

- ¹¹⁵ Mikael Weissmann, *The East Asian Peace: Conflict Prevention and Informal Peacebuilding* (Basingstoke: Palgrave Macmillan, 2012), tr. 112.
- ¹¹⁶ Xueting Yan and Haixia Qi, “Football Game Rather Than Boxing Match: China-US Intensifying Rivalry Does Not Amount to Cold War,” *Chinese Journal of International Politics*, Vol. 5(2012), tr. 109.
- ¹¹⁷ Barry Buzan, “China in International Society: Is ‘Peaceful Rise’ Possible?,” *Chinese Journal of International Politics*, Vol. 3(2010), tr. 5–36; xem thêm Srikanth Kondapalli, “Chinese Perceptions of India-Russia-China Triangle: A Preliminary Assessment,” *Contemporary India*, Vol. 4(2005), tr. 75–91
- ¹¹⁸ Denny Roy, “The China Threat Issue: Major Arguments,” *Asian Survey*, Vol. 36(1996), pp. 759–764; David Shambaugh, “Containment or Engagement of China: Calculating Beijing’s Responses,” *International Security*, Vol. 21(1996), tr. 180–209; Alastair Iain Johnston and Robert S. Ross, eds., *Engaging China: The Management of An Emerging Power* (London: Routledge, 1999); David Shambaugh, “Sino-American Strategic Relations: From Partners to Competitors,” *Survival*, Vol. 42(2000), pp. 97–115; John J. Mearsheimer, “Why China’s Rise Will Not Be Peaceful,” cập nhật lần cuối ngày 17/9/2004, <http://mearsheimer.uchicago.edu/pdfs/A0034b.pdf>; Robert Kagan, *Asia’s Cauldron: The South China Sea and the End of a Stable Pacific* (New York: Random House, 2014).
- ¹¹⁹ David E. Sanger, “In the East China Sea, a Far Bigger Test of Power Looms,” *New York Times*, 2/12/2013, A3; Thom Shanker, “U.S. Sends Two B-52 Bombers into Air Zone Claimed by China,” *New York Times*, 27/11/2013, A1.
- ¹²⁰ Tlđđ
- ¹²¹ “Annual Report to Congress: Military and Security Developments Involving the People’s Republic of China 2014,” U.S. Department of Defense, 5, truy cập lần cuối ngày 23/12/2015, http://www.defense.gov/pubs/2014_DoD_China_Report.pdf.
- ¹²² Landler and Perlez, “China Patrols Air Zone,” A16.
- ¹²³ Kirk Spitzer, “U.S. Flies B-52s to Test China over New Claims to Air Zone,” *Wall Street Journal*, 27/11/2013, A8.
- ¹²⁴ Tlđđ
- ¹²⁵ Margaret K. Lewis, “An Analysis of State Responsibility for the Chinese American Airplane Collision Incident,” *New York University Law Review*, Vol. 77(2002), tr. 1437–1441.
- ¹²⁶ Charles Clover and Demetri Sevastopulo, “Beijing Issues Regional Security Plea,” *Financial Times*, 5/3/2014, A6.
- ¹²⁷ Ong, *China’s Security Interests*, tr. 14
- ¹²⁸ Achilles Skordas, “Hegemonic Custom?,” in *United States Hegemony and the Foundations of International Law*, biên tập Michael Byers and Georg Nolte (Cambridge: Cambridge University Press, 2003), tr. 344.
- ¹²⁹ Xem thêm Ken Booth, *Law, Force and Diplomacy at Sea* (New York: Routledge, 2014), tr. 191.
- ¹³⁰ James E. Baker, *In the Common Defense: National Security Law for Perilous Times* (Cambridge: Cambridge University Press, 2014), tr. 206.
- ¹³¹ Heiko Meiertöns, *The Doctrines of US Security Policy: An Evaluation under International Law* (Cambridge: Cambridge University Press, 2010), tr. 236.
- ¹³² Ruwantissa Abeyratne, “In Search of Theoretical Justification for Air Defence Identification Zones,” *Journal of Transportation Security*, Vol. 1 (2011), tr. 3.
- ¹³³ UNCLOS Điều 88-301, lời tựa
- ¹³⁴ Xem Hiến chương Liên Hợp quốc, Điều 2 Khoản 4, 51; *id*, Điều 301.

¹³⁵ Tổng thư ký Liên Hợp quốc, “General and Complete Disarmament: Study on the Naval Arms Race, Report of the Secretary-General,” UN Doc. A/40/535), para. 188(1985). Reproduced in *NILOS Yearbook 1*(Leiden: Brill, 1985), 11.

¹³⁶ Cuadra, “Air Defense Identification Zones,” tr. 503.

¹³⁷ Mel Gurtov and Byong-Moo Hwang, *China’s Security: The New Roles of the Military* (Boulder, CO: Lynne Rienner, 1998), tr. 133.

¹³⁸ Byers, *Custom, Power and the Power of Rules*, tr. 152.